

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 NĂM 2026

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2016								
1	Võ Văn Nhân	Nam	25-05-1998	16CNTTC	2.91	145	Khá	
Khóa 2017								
1	Lê Đình Anh Sơn	Nam	12-06-1998	17SPT	2.42	135	Trung bình	
2	Nguyễn Quang Trung Hiếu	Nam	06-10-1999	17CNTTC	3.03	145	Khá	
3	Trương Đăng Khiêm	Nam	06-10-1999	17SAN	3.27	138	Giỏi	
4	Phan Đình Hải	Nam	15-03-1999	17CBC4	2.55	136	Khá	
5	Nguyễn Văn Như Pháp	Nam	01-12-1999	17CBC2	2.66	138	Khá	
6	Lý Nguyễn Ngọc Thuỳ	Nữ	28-11-1999	17CTL2	2.94	136	Khá	
Khóa 2018								
1	Phạm Thị Thúy Hậu	Nữ	08-08-1999	18CVH	2.82	136	Khá	
2	Trần Thị Ánh	Nữ	05-03-2000	18CBC4	3.28	143	Giỏi	
3	Triệu Văn Nam	Nam	22-05-1997	18SDL	2.64	135	Khá	
Khóa 2019								
1	Nguyễn Đắc Minh	Nam	11-12-2001	19CNTT1	2.42	133	Trung bình	
2	Lê Thành Trung	Nam	12-03-2001	19CNTTD	2.40	131	Trung bình	
3	H' Huyền Niê	Nữ	28-02-2001	19CBC2	2.66	130	Khá	
4	Nguyễn Thị Kim Phượng	Nữ	01-08-2000	19CVNHC	3.21	134	Giỏi	
Khóa 2020								
1	Văn Công Tiến	Nam	01-08-2002	20ST3	2.37	135	Trung bình	
2	Lê Viên Tín	Nam	22-12-2002	20ST4	2.30	133	Trung bình	
3	Huỳnh Ngọc Hiếu	Nam	02-01-2002	20CNTT2	2.65	130	Khá	
4	Nguyễn Phước Khoa	Nam	09-09-2002	20CNTT2	2.41	134	Trung bình	
5	Trần Đức Thiện	Nam	21-01-2002	20CNTT3	2.59	130	Khá	
6	Nguyễn Trọng Việt	Nam	19-11-2002	20CNTT3	3.21	130	Khá (Hạ bậc)	
7	Tôn Nữ Thục Quyên	Nữ	31-07-2002	20CNSH	3.00	130	Khá	
8	Đoàn Thị Lan Anh	Nữ	28-03-2002	20SGC	2.77	133	Khá	
9	Mai Văn An	Nam	04-06-2002	20SAN	3.11	131	Khá	
10	Võ Hồng Quỳnh Ly	Nữ	06-08-2002	20SNV2	3.15	133	Khá	
11	Nguyễn Thị Thùy Uyên	Nữ	18-07-2002	20SNV4	2.55	140	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
12	Nguyễn Thị Bích Vân	Nữ	18-05-2002	20CVHH	3.08	131	Khá	
13	Hồ Bảo Duy	Nam	26-05-2002	20CBC3	2.83	130	Khá	
14	Lê Hồng Ngọc Thương	Nữ	01-01-2002	20SLD	3.14	138	Khá	
15	Nguyễn Văn Duy	Nam	21-03-2001	20CDDL2	3.18	130	Khá	
16	Đặng Văn Chạy	Nam	15-08-1998	20CDDL2	3.57	131	Giỏi	
17	Nguyễn Thị Gia An	Nữ	01-01-2001	20CTL2	3.05	131	Khá	
Khóa 2021								
1	Nguyễn Trần Gia Bảo	Nam	30-08-2003	21ST1	3.10	131	Khá	
2	Mai Quốc Hưng	Nam	01-11-2003	21ST1	3.12	133	Khá	
3	Lý Nguyễn Tuấn Hải	Nam	08-05-2003	21CNTT1	2.61	139	Khá	
4	Trần Đăng Huy	Nam	11-09-2003	21CNTT1	2.55	133	Khá	
5	Lê Thiên Bảo	Nam	07-08-2003	21CNTT2	2.47	131	Trung bình	
6	Trần Quốc Thành	Nam	27-05-2003	21CNTT2	2.73	133	Khá	
7	Võ Văn Hoà	Nam	10-09-2003	21CNTT3	2.88	133	Khá	
8	Bạch Gia Huy	Nam	18-04-2003	21CNTT3	2.54	134	Khá	
9	Phan Văn Lành	Nam	30-11-2003	21CNTT3	2.37	132	Trung bình	
10	Lê Nguyễn Hoàng Lân	Nam	24-04-2003	21CNTT3	2.86	145	Khá	
11	Nguyễn Nho Phương Nguyên	Nữ	12-01-2003	21CNTT3	2.68	136	Khá	
12	Nguyễn Thị Như Tình	Nữ	09-03-2003	21CNTT3	2.78	134	Khá	
13	Phan Văn Tâm	Nam	14-09-2003	21CNTT4	2.54	136	Khá	
14	Trần Ngọc Tiến	Nam	09-06-2003	21CNTT4	2.69	137	Khá	
15	Nguyễn Thị Kim Trâm	Nữ	21-02-2003	21CNTT4	2.44	139	Trung bình	
16	Lê Thọ Chính	Nam	11-05-2003	21SVL1	3.00	131	Khá	
17	Nguyễn Mai Thảo Huyền	Nữ	01-09-2003	21SVL1	3.57	131	Giỏi	
18	Võ Công Bảo	Nam	08-08-2003	21SHH	2.91	132	Khá	
19	Phùng Tuấn Vĩnh	Nam	25-02-2003	21SHH	3.28	132	Giỏi	
20	Nguyễn Ngọc Như Ý	Nữ	11-05-2003	21SKT2	2.69	131	Khá	
21	Lê Thùy Thanh Tâm	Nữ	21-10-2003	21SS	3.16	133	Khá	
22	Nguyễn Hữu Tiến Đạt	Nam	31-07-2003	21SS	2.97	131	Khá	
23	Chansina Patsaya	Nam	25-08-2001	21CTM	2.40	130	Trung bình	
24	Trịnh Yên Vy	Nữ	04-01-2003	21SGC	3.19	131	Khá	
25	Nguyễn Thị Hồng Mi	Nữ	18-04-2003	21SCD	3.55	132	Giỏi	
26	Đỗ Thị Yến Vy	Nữ	11-10-2003	21SCD	3.25	132	Giỏi	
27	Phạm Thị Mai Trang	Nữ	04-10-2003	21SNV3	3.30	133	Giỏi	
28	Phạm Khánh Linh	Nữ	22-12-2003	21CVH	2.74	136	Khá	
29	Trần Thị Mỹ Vân	Nữ	04-02-2003	21CVH	3.05	137	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
30	Dương Hoài Diệu	Linh	Nữ	21-08-2003	21CVH	2.84	134	Khá	
31	Phan Ngọc Kiều	Oanh	Nữ	03-02-2003	21CVHH	3.17	131	Khá	
32	Trần Thị Mỹ	Chi	Nữ	06-06-2003	21CBC1	3.24	131	Giỏi	
33	Nguyễn Thu	Diễm	Nữ	15-06-2003	21CBC1	3.08	131	Khá	
34	Phạm Thị	Anh	Nữ	24-06-2003	21CBC2	3.11	133	Khá	
35	Phan Thị Thu	Diễm	Nữ	25-03-2003	21CBC2	3.13	131	Khá	
36	Lê Thị	Giác	Nữ	14-07-2003	21CBC2	3.14	131	Khá	
37	Lê Thị Ngọc	Vân	Nữ	30-01-2001	21CBC2	3.41	133	Giỏi	
38	Trần Mỹ	Duyên	Nữ	04-06-2003	21CBCC	3.49	137	Giỏi	
39	Đặng Trần Hạ	My	Nữ	01-11-2002	21SLS	2.92	134	Khá	
40	Trần Dương	Lộc	Nam	19-09-2003	21SLS	3.34	132	Giỏi	
41	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	21-09-2003	21CVNH1	3.05	131	Khá	
42	Nguyễn Ngọc Bảo	Quỳnh	Nữ	10-03-2003	21CVNH1	3.24	131	Giỏi	
43	Trần Lê Thanh	Vy	Nữ	31-10-2003	21CLS	3.55	130	Giỏi	
44	Nguyễn Hữu Lữ	Kiệt	Nam	01-12-2003	21SLD	2.50	139	Khá	
45	Hầu Thị Trà	My	Nữ	10-04-2003	21SLD	2.67	136	Khá	
46	Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	05-05-2003	21SLD	2.80	139	Khá	
47	Nguyễn Vũ Duy	Phương	Nam	03-12-2003	21CTL2	3.33	139	Giỏi	
48	Hà Thị Thanh	Tâm	Nữ	09-11-2003	21CTL2	3.38	134	Khá (Hạ bậc)	
49	Trần Đoan	Trình	Nữ	20-02-2003	21CTXH	2.93	137	Khá	
50	Hoàng Thị	Nguyệt	Nữ	09-04-2003	21CTXH	3.39	139	Giỏi	
51	Đặng Thị Thanh	Trúc	Nữ	04-04-2003	21CTXH	3.47	137	Giỏi	
52	Nguyễn Duy	Tú	Nam	03-03-2003	21CTXH	3.56	139	Giỏi	
53	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	05-01-2003	21STH3	3.42	130	Giỏi	
54	Trương Thị Thanh	Lịch	Nữ	25-10-2003	21STH4	3.45	132	Giỏi	
55	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	19-04-2003	21STH4	3.61	131	Giỏi (Hạ bậc)	
56	Đinh Thị Thu	Hiền	Nữ	30-08-2003	21STH5	3.54	132	Giỏi	
57	Trần Thị Diệu	Quỳnh	Nữ	28-10-2003	21STH5	3.63	130	Xuất sắc	
58	Hoàng Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	20-05-2003	21STH8	3.60	133	Xuất sắc	
59	Lại Thị Yến	Nhi	Nữ	25-08-2003	21STH10	3.84	130	Xuất sắc	
60	Ngô Thị Thủy	Tiên	Nữ	19-06-2003	21SMN2	2.80	134	Khá	
61	Nguyễn Trần Đan	Nguyên	Nữ	14-11-2002	21SMN3	3.27	135	Giỏi	
62	Nguyễn Thị Quỳnh	Thư	Nữ	28-08-2003	21SMN3	3.10	133	Khá	
63	Cái Thị Kim	Thùy	Nữ	30-10-2003	21SMN3	3.00	137	Khá	
64	Lê Thị Hương	Trà	Nữ	26-11-2003	21SMN3	3.13	133	Khá	
65	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	16-08-2003	21SMN4	3.06	136	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
66	Si		Nữ	30-10-2003	21SMN4	3.40	134	Giỏi	
67	Phạm Diệp Minh	Thương	Nữ	22-06-2003	21SMN4	2.98	135	Khá	
68	Châu Thị	Thủy	Nữ	01-12-2003	21SMN4	2.94	134	Khá	
69	Nguyễn Thị Phương	Thủy	Nữ	13-04-1996	21SMN4	3.17	133	Khá	
Khóa 2022									
1	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	24-07-2004	22ST1	3.47	133	Giỏi	
2	Lương Thị	Điểm	Nữ	18-10-2004	22ST1	3.58	136	Giỏi	
3	Châu Thị Thùy	Dương	Nữ	18-02-2004	22ST1	3.33	131	Giỏi	
4	Phan Thu	Hà	Nữ	06-08-2004	22ST1	3.52	136	Giỏi	
5	Lê Thanh	Hằng	Nữ	10-08-2004	22ST1	3.31	131	Giỏi	
6	Bùi Xuân	Hiên	Nam	13-11-2004	22ST1	3.76	135	Xuất sắc	
7	Lê Trần Thu	Hiền	Nữ	08-08-2004	22ST1	3.57	136	Giỏi	
8	Nguyễn Công	Hiền	Nam	20-10-1994	22ST1	3.34	132	Giỏi	
9	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	05-11-2004	22ST1	3.41	134	Giỏi	
10	Lê Viết	Hoàng	Nam	20-10-2004	22ST1	3.90	131	Xuất sắc	
11	Dương Thế Trọng	Huân	Nam	27-10-2004	22ST1	3.03	131	Khá	
12	Nguyễn Viết Phan	Hùng	Nam	10-06-1993	22ST1	3.84	133	Xuất sắc	
13	Đào Thị Thanh	Hương	Nữ	08-03-2004	22ST1	3.80	133	Xuất sắc	
14	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	05-05-2004	22ST1	3.44	131	Giỏi	
15	Phạm Văn Công	Huy	Nam	24-11-2004	22ST1	3.31	130	Giỏi	
16	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	05-03-2004	22ST1	3.41	131	Giỏi	
17	Phạm Sỹ	Lâm	Nam	02-05-2004	22ST1	3.37	133	Giỏi	
18	Đỗ Thị Diệu	Linh	Nữ	21-10-2004	22ST1	3.59	131	Giỏi	
19	Hà Thị	Ly	Nữ	01-01-2004	22ST1	3.46	133	Giỏi	
20	Bùi Thị Tuyết	Mai	Nữ	25-07-2004	22ST1	3.60	131	Xuất sắc	
21	Quách Thị	Mai	Nữ	01-01-2004	22ST1	3.31	133	Giỏi	
22	Từ Quang	Minh	Nam	06-05-2004	22ST1	3.29	134	Giỏi	
23	Huỳnh Ngọc	Na	Nữ	02-06-2004	22ST1	3.30	136	Giỏi	
24	Đỗ Thị Thanh	Nguyên	Nữ	14-01-2004	22ST1	3.91	134	Xuất sắc	
25	Nguyễn Lê Bảo	Nguyên	Nữ	11-04-2004	22ST1	3.52	130	Giỏi	
26	Nguyễn Văn	Nhi	Nữ	10-05-2004	22ST1	3.38	131	Giỏi	
27	Hồ Thị Hồng	Nhung	Nữ	20-07-2004	22ST1	3.53	133	Giỏi	
28	Trần Hà Tường	Ny	Nữ	25-04-2004	22ST1	3.67	133	Xuất sắc	
29	Lê Tấn	Phát	Nam	25-01-2004	22ST1	3.33	132	Giỏi	
30	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	13-01-2004	22ST1	3.92	131	Xuất sắc	
31	Nguyễn Thanh	Son	Nam	09-11-2004	22ST1	3.44	133	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
32	Nguyễn Phạm Mỹ Tài	Nữ	10-07-2004	22ST1	3.51	134	Giỏi	
33	Ngô Vũ Minh Tâm	Nữ	19-09-2004	22ST1	3.58	133	Giỏi	
34	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	23-07-2004	22ST1	3.41	131	Giỏi	
35	Phan Văn Thái	Nam	16-01-2003	22ST1	3.25	133	Giỏi	
36	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	13-06-2004	22ST1	3.40	131	Giỏi	
37	Nguyễn Văn Thiện	Nam	13-06-2004	22ST1	3.64	139	Xuất sắc	
38	Trần Thị Hoàng Thịnh	Nữ	05-12-2004	22ST1	3.29	134	Giỏi	
39	Phạm Thị Minh Thơ	Nữ	12-05-2004	22ST1	3.40	131	Giỏi	
40	Nguyễn Thị Thương	Nữ	10-03-2004	22ST1	3.73	131	Xuất sắc	
41	Trương Huyền Trâm	Nữ	14-08-2004	22ST1	3.00	131	Khá	
42	Đinh Thị Cẩm Trinh	Nữ	02-01-2004	22ST1	3.48	133	Giỏi	
43	Trần Thanh Tùng	Nam	03-09-2004	22ST1	3.53	139	Giỏi	
44	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Nữ	11-11-2004	22ST1	3.68	131	Xuất sắc	
45	Nguyễn Ánh Tuyết	Nữ	11-02-2004	22ST1	3.28	130	Giỏi	
46	Trần Bảo Uyên	Nữ	01-01-2004	22ST1	3.67	131	Xuất sắc	
47	Lương Khánh Vân	Nữ	22-02-2004	22ST1	3.75	134	Xuất sắc	
48	Lê Quốc Việt	Nam	29-12-2004	22ST1	2.68	131	Khá	
49	Lê Thế Vinh	Nam	02-12-2004	22ST1	3.39	133	Giỏi	
50	Phạm Tiến Vinh	Nam	14-04-2001	22ST1	3.28	132	Giỏi	
51	Trần Đức Vinh	Nam	05-03-2004	22ST1	3.67	131	Xuất sắc	
52	Nguyễn Ngọc Thành Vũ	Nam	08-03-2004	22ST1	3.69	132	Xuất sắc	
53	Nguyễn Tiểu Yến	Nữ	19-10-2004	22ST1	3.35	131	Giỏi	
54	Dương Lê Ngọc Ánh	Nữ	16-08-2004	22ST2	3.45	131	Giỏi	
55	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	19-12-2004	22ST2	3.43	136	Giỏi	
56	Nguyễn Văn Bình	Nam	28-10-2004	22ST2	3.73	133	Xuất sắc	
57	Đặng Trần Hồng Châu	Nữ	27-03-2004	22ST2	3.69	134	Xuất sắc	
58	Lê Bùi Quỳnh Chi	Nữ	16-08-2004	22ST2	3.69	139	Xuất sắc	
59	Hoàng Thị Huyền Diệu	Nữ	09-07-2004	22ST2	3.18	136	Khá	
60	Trần Tiến Dũng	Nam	21-01-2004	22ST2	3.21	133	Giỏi	
61	Bùi Hùng Duy	Nam	29-12-2004	22ST2	3.45	136	Giỏi	
62	Lê Thị Mỹ Duyên	Nữ	01-02-2004	22ST2	3.75	133	Xuất sắc	
63	Trần Mỹ Hạnh	Nữ	16-03-2004	22ST2	3.29	133	Giỏi	
64	Vũ Trần Mai Hạnh	Nữ	09-09-2004	22ST2	3.25	136	Giỏi	
65	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	15-10-2004	22ST2	3.80	131	Xuất sắc	
66	Lê Minh Hội	Nam	18-04-2003	22ST2	3.73	136	Xuất sắc	
67	Nguyễn Kim Hưng	Nam	01-01-1989	22ST2	3.44	131	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
68	Nguyễn Phước	Hưng	Nam	03-10-2004	22ST2	2.98	131	Khá	
69	Cao Thị Minh	Huyền	Nữ	20-05-2004	22ST2	3.74	133	Xuất sắc	
70	Lê Vũ	Khoa	Nam	07-01-2004	22ST2	3.88	136	Xuất sắc	
71	Đinh Bùi Thuý	Linh	Nữ	24-10-2004	22ST2	3.71	133	Xuất sắc	
72	Tường Hoàng Hà	My	Nữ	22-07-2004	22ST2	3.80	136	Xuất sắc	
73	Đỗ Thị Thúy	Nga	Nữ	15-10-2004	22ST2	3.24	131	Giỏi	
74	Lê Hồng	Ngân	Nữ	06-10-2004	22ST2	3.50	136	Giỏi	
75	Trần Thanh	Ngân	Nam	13-12-2004	22ST2	2.98	133	Khá	
76	Trần Trung	Nghĩa	Nam	19-06-2004	22ST2	3.60	131	Xuất sắc	
77	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	Nữ	19-09-2004	22ST2	3.34	139	Giỏi	
78	Dương Hoàng Xuân	Nhi	Nữ	09-09-2004	22ST2	3.86	136	Xuất sắc	
79	Nguyễn Huỳnh Vân	Nhi	Nữ	14-06-2004	22ST2	3.62	134	Xuất sắc	
80	Lê Thị	Nhung	Nữ	15-01-2004	22ST2	3.51	134	Giỏi	
81	Đỗ Thị Kiều	Oanh	Nữ	13-05-2004	22ST2	3.51	136	Giỏi	
82	Nguyễn Lê Hoàng	Oanh	Nữ	04-02-2004	22ST2	3.48	134	Giỏi	
83	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	Nữ	19-03-2004	22ST2	3.98	134	Xuất sắc	
84	Phan Hà	Phương	Nữ	08-12-2004	22ST2	3.12	133	Khá	
85	Lê Thị Thu	Phượng	Nữ	25-04-2004	22ST2	3.77	130	Xuất sắc	
86	Bạch Quyên	Quyên	Nữ	29-08-2004	22ST2	3.60	136	Xuất sắc	
87	Lê Ngọc Lệ	Quyên	Nữ	26-10-2004	22ST2	3.67	133	Xuất sắc	
88	Nguyễn Hữu	Thành	Nam	28-06-2004	22ST2	3.83	131	Xuất sắc	
89	Võ Văn	Thành	Nam	11-01-2004	22ST2	3.49	131	Giỏi	
90	Lương Trần Trung	Thịnh	Nữ	07-10-2004	22ST2	3.68	136	Xuất sắc	
91	Trương Phong Lệ	Thủy	Nữ	13-11-2004	22ST2	3.58	136	Giỏi	
92	Huỳnh Nguyễn Thủy	Tiên	Nữ	22-01-2004	22ST2	3.70	136	Xuất sắc	
93	Trần Hồng Nhật	Trình	Nữ	29-10-2004	22ST2	3.56	136	Giỏi	
94	Phan Quốc	Trung	Nam	01-10-2003	22ST2	3.33	136	Giỏi	
95	Võ Chí	Trung	Nam	21-11-2004	22ST2	3.45	136	Giỏi	
96	Trần Minh	Trường	Nam	29-08-2004	22ST2	3.41	131	Giỏi	
97	Võ Phước	Trường	Nam	19-09-2004	22ST2	3.15	136	Khá	
98	Huỳnh Hữu	Tuấn	Nam	19-08-2004	22ST2	3.13	136	Khá	
99	Nguyễn Nhật	Tuấn	Nam	15-07-2004	22ST2	3.67	133	Xuất sắc	
100	Phạm Thị Cẩm	Vân	Nữ	16-05-2004	22ST2	3.74	136	Xuất sắc	
101	Trương Quốc	Việt	Nam	06-01-2004	22ST2	3.54	136	Giỏi	
102	Hoàng Hà Thanh	Xuân	Nữ	01-05-2004	22ST2	3.61	136	Xuất sắc	
103	Nguyễn Thị Quỳnh	Diễm	Nữ	21-08-2004	22SVL	3.35	131	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
104	Nguyễn Phương	An	Nữ	10-08-2004	22SPT	2.76	137	Khá	
105	Hoàng Hữu	Đông	Nam	12-01-2004	22SPT	3.40	133	Giỏi	
106	Trương Hữu Bảo	Khanh	Nam	01-03-2004	22SPT	2.71	140	Khá	
107	Lê	Khôi	Nam	20-03-2004	22SPT	3.05	140	Khá	
108	Phan Thị Ngọc	Lanh	Nữ	17-12-2004	22SPT	3.32	135	Giỏi	
109	Đỗ Thị Hồng	Nhung	Nữ	03-06-2004	22SPT	3.13	137	Khá	
110	Puih	NữK	Nam	27-11-2003	22SPT	3.20	136	Giỏi	
111	Nguyễn Thị My	Ny	Nữ	10-06-2004	22SPT	3.00	135	Khá	
112	Phạm Minh	Quân	Nam	12-05-2004	22SPT	3.49	135	Giỏi	
113	Nguyễn Văn	Quyển	Nam	27-06-2004	22SPT	2.99	135	Khá	
114	Huỳnh Thị Nhật	Tâm	Nữ	01-07-2004	22SPT	2.88	138	Khá	
115	Trần Thiện	Tâm	Nữ	24-06-2004	22SPT	3.73	135	Xuất sắc	
116	Trần Đình	Tân	Nam	20-11-2004	22SPT	3.01	135	Khá	
117	Lê Chí	Thiện	Nam	09-01-2004	22SPT	2.94	140	Khá	
118	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	20-08-2004	22SPT	3.10	140	Khá	
119	Bùi Thị Thanh	Thủy	Nữ	18-02-2004	22SPT	3.31	135	Giỏi	
120	Trần Đình Bảo	Trân	Nữ	10-03-2004	22SPT	3.33	135	Giỏi	
121	Võ Thị Kiều	Trinh	Nữ	11-03-2004	22SPT	3.26	140	Giỏi	
122	Đinh Thị Bảo	Uyên	Nữ	08-06-2004	22SPT	3.14	137	Khá	
123	Lê Tấn	An	Nam	23-04-2004	22CNTT1	2.60	134	Khá	
124	Trương Quốc	Anh	Nam	15-12-2003	22CNTT1	3.11	134	Khá	
125	Hứa Quốc	Bảo	Nam	21-05-2004	22CNTT1	2.73	132	Khá	
126	Trần Ngọc	Châu	Nam	15-09-2004	22CNTT1	2.88	137	Khá	
127	Đoàn Công	Chín	Nam	16-11-2004	22CNTT1	3.13	134	Khá	
128	Mivong	Choulia	Nữ	23-01-2003	22CNTT1	2.55	131	Khá	
129	Đoàn Ngọc	Cường	Nam	05-08-2004	22CNTT1	2.63	134	Khá	
130	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	07-05-2004	22CNTT1	2.35	137	Trung bình	
131	Bùi Vũ Nhật	Duy	Nam	22-01-2004	22CNTT1	2.88	134	Khá	
132	Nguyễn Lộc Hoàng	Gia	Nam	09-05-2004	22CNTT1	3.04	132	Khá	
133	Đặng Hoàng	Hiệp	Nam	17-05-2004	22CNTT1	3.03	131	Khá	
134	Võ Ngọc	Huy	Nam	28-10-2004	22CNTT1	2.33	136	Trung bình	
135	Nguyễn Đức	Lên	Nam	04-12-2004	22CNTT1	3.23	131	Giỏi	
136	Võ Thị	Linh	Nữ	29-09-2004	22CNTT1	3.35	134	Giỏi	
137	Nguyễn Thị Kiều	Ly	Nữ	09-02-2004	22CNTT1	3.45	131	Giỏi	
138	Bùi Trần Khánh	Minh	Nam	10-06-2004	22CNTT1	3.20	139	Giỏi	
139	Nguyễn Đoàn Tấn	Minh	Nam	03-04-2004	22CNTT1	3.49	131	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
140	Nguyễn Thị Na	Nữ	26-06-2004	22CNTT1	3.01	131	Khá	
141	Phan Thị Quỳnh Nga	Nữ	11-12-2004	22CNTT1	3.41	134	Giỏi	
142	Phạm Thị Thanh Ngân	Nữ	03-12-2004	22CNTT1	3.25	134	Giỏi	
143	Đặng Quang Ngôn	Nam	24-04-2003	22CNTT1	3.02	134	Khá	
144	Nhân Đức Khoa Nguyên	Nam	08-10-2004	22CNTT1	2.96	134	Khá	
145	Hoàng Kim Nhật	Nam	24-03-2004	22CNTT1	2.96	134	Khá	
146	Ngô Thị Ý Nhi	Nữ	18-06-2004	22CNTT1	3.10	134	Khá	
147	Nguyễn Thị Ánh Nhi	Nữ	09-04-2004	22CNTT1	3.20	133	Giỏi	
148	Trần Thanh Phong	Nam	24-03-2004	22CNTT1	3.09	131	Khá	
149	Singsavath Phoudphavanh	Nữ	24-06-2002	22CNTT1	2.48	132	Trung bình	
150	Hoàng Thị Kim Phụng	Nữ	10-02-2004	22CNTT1	2.95	132	Khá	
151	Lê Thị Như Quỳnh	Nữ	28-11-2004	22CNTT1	2.89	131	Khá	
152	Phan Thị Thanh Sang	Nữ	23-12-2003	22CNTT1	2.89	134	Khá	
153	Nguyễn Thạc Sáng	Nam	17-02-2004	22CNTT1	2.91	131	Khá	
154	Võ Thị Bích Thi	Nữ	20-07-2004	22CNTT1	3.04	134	Khá	
155	Nguyễn Văn Ân Thọ	Nam	27-03-2004	22CNTT1	2.53	137	Khá	
156	Trần Nhật Tinh	Nam	17-10-2004	22CNTT1	3.24	132	Giỏi	
157	Văn Trần Thanh Trâm	Nữ	17-03-2004	22CNTT1	3.03	131	Khá	
158	Trần Mạnh Trí	Nam	05-01-2004	22CNTT1	3.54	131	Giỏi	
159	Trần Lê Quang Triều	Nam	29-05-2003	22CNTT1	2.88	136	Khá	
160	Trương Đình Văn	Nam	08-07-2004	22CNTT1	2.57	139	Khá	
161	Phan Thanh Vỹ	Nam	03-10-2004	22CNTT1	3.05	136	Khá	
162	Phạm Văn Cẩm	Nam	10-11-2004	22CNTT2	3.46	132	Giỏi	
163	Nguyễn Văn Chiến	Nam	31-08-2004	22CNTT2	2.67	133	Khá	
164	Lê Ngọc Chung	Nam	17-05-2004	22CNTT2	2.73	132	Khá	
165	Huỳnh Đắc Cường	Nam	05-02-2004	22CNTT2	3.04	132	Khá	
166	Trần Nguyên Đôn	Nam	17-12-2004	22CNTT2	2.59	134	Khá	
167	Hồ Sơn Dương	Nam	25-01-2004	22CNTT2	2.89	132	Khá	
168	Trần Phước Duy	Nam	23-05-2004	22CNTT2	3.28	131	Giỏi	
169	Nguyễn Mai Kỳ Duyên	Nữ	31-08-2004	22CNTT2	2.78	134	Khá	
170	Phạm Thị Thu Hằng	Nữ	28-11-2004	22CNTT2	3.14	134	Khá	
171	Nguyễn Công Hậu	Nam	22-05-2004	22CNTT2	3.12	134	Khá	
172	Phạm Thanh Hiếu	Nam	15-12-2004	22CNTT2	3.19	132	Khá	
173	Phạm Văn Hiệu	Nam	12-05-2004	22CNTT2	3.42	132	Giỏi	
174	Nguyễn Đăng Huy Hoàng	Nam	15-11-2004	22CNTT2	3.26	132	Giỏi	
175	Nguyễn Văn Huân	Nam	22-11-2004	22CNTT2	2.96	136	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
176	Trần Thị	Hường	Nữ	02-10-2004	22CNTT2	3.46	134	Giỏi	
177	Phạm Đức	Huy	Nam	20-12-2004	22CNTT2	3.08	132	Khá	
178	Phạm Gia	Khải	Nam	27-08-2004	22CNTT2	3.19	135	Khá	
179	Saiphouluang	Kham	Nam	01-01-2001	22CNTT2	2.45	132	Trung bình	
180	Võ Thị Minh	Khuyên	Nữ	17-11-2004	22CNTT2	2.76	133	Khá	
181	Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	05-12-2004	22CNTT2	2.87	134	Khá	
182	Nguyễn Huỳnh Bảo	Long	Nam	13-04-2004	22CNTT2	2.97	132	Khá	
183	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Nữ	15-05-2004	22CNTT2	2.96	132	Khá	
184	Nguyễn Văn	Mãi	Nam	15-02-2004	22CNTT2	2.86	132	Khá	
185	Lê Văn	Minh	Nam	10-07-2004	22CNTT2	2.70	133	Khá	
186	Trần Thị Út	My	Nữ	16-01-2004	22CNTT2	2.81	133	Khá	
187	Đoàn Thị	Nga	Nữ	22-02-2004	22CNTT2	3.06	134	Khá	
188	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	02-04-2004	22CNTT2	3.05	133	Khá	
189	Trần Nguyễn Thu	Ngân	Nữ	03-12-2004	22CNTT2	3.36	134	Giỏi	
190	Hoàng Trung	Nguyên	Nam	10-10-2004	22CNTT2	3.56	134	Giỏi	
191	Huỳnh Thị Yến	Nhi	Nữ	04-11-2004	22CNTT2	2.60	133	Khá	
192	Nguyễn Hoàng Uyên	Nhi	Nữ	01-04-2004	22CNTT2	2.57	133	Khá	
193	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	Nữ	10-08-2004	22CNTT2	3.57	132	Giỏi	
194	Nguyễn Thị Thùy	Oanh	Nữ	13-05-2004	22CNTT2	3.19	132	Khá	
195	Trần Việt	Phúc	Nam	06-01-2004	22CNTT2	2.51	132	Khá	
196	Trần Minh	Quân	Nam	15-02-2004	22CNTT2	3.29	133	Giỏi	
197	Lê Võ Phú	Quý	Nam	27-10-2004	22CNTT2	3.23	132	Giỏi	
198	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	06-02-2004	22CNTT2	2.86	132	Khá	
199	Trần Thị Tuyết	Sang	Nữ	28-01-2004	22CNTT2	3.40	133	Giỏi	
200	Nguyễn Khắc	Tấn	Nam	18-05-2004	22CNTT2	2.84	134	Khá	
201	Ngô Bá	Thiện	Nam	04-04-2004	22CNTT2	3.28	132	Giỏi	
202	Phommavanh	Thippachanh	Nữ	19-09-2000	22CNTT2	2.42	132	Trung bình	
203	Lê Thị	Thương	Nữ	24-03-2002	22CNTT2	3.59	134	Giỏi	
204	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	08-07-2004	22CNTT2	3.72	132	Xuất sắc	
205	Huỳnh Lê Thùy	Trang	Nữ	19-08-2004	22CNTT2	2.93	133	Khá	
206	Nguyễn Nhật	Triều	Nam	11-10-2004	22CNTT2	2.77	132	Khá	
207	Phan Quốc	Trường	Nam	01-02-2004	22CNTT2	2.79	132	Khá	
208	Nguyễn Thanh	Việt	Nam	12-04-2004	22CNTT2	2.68	131	Khá	
209	Đoàn Văn	Vĩnh	Nam	09-08-2004	22CNTT2	3.56	132	Giỏi	
210	Dương Văn	Vương	Nam	07-03-2003	22CNTT2	2.98	132	Khá	
211	Dương Trung	Hiếu	Nam	30-04-2004	22CNTTC	2.68	132	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
212	Hoàng Kim	Hùng	Nam	11-01-2004	22CNTTC	3.58	132	Giỏi	
213	Ngô Trần Khánh	Phương	Nữ	13-02-2004	22CNTTC	3.23	132	Giỏi	
214	Lê Trung	Tiến	Nam	06-10-2004	22CNTTC	3.17	132	Khá	
215	Đặng Thị Kim	Anh	Nữ	12-10-2004	22SVL	3.61	131	Xuất sắc	
216	Lê Nguyên	Bảo	Nam	12-11-2004	22SVL	3.29	131	Giỏi	
217	Đinh Thị Mai	Chi	Nữ	17-08-2004	22SVL	3.40	131	Giỏi	
218	Nguyễn Thị Phương	Chi	Nữ	13-06-2004	22SVL	3.25	131	Giỏi	
219	Nguyễn Minh	Chiến	Nam	19-02-2003	22SVL	3.49	133	Giỏi	
220	Phan Đặng Anh	Đào	Nữ	18-01-2004	22SVL	3.45	131	Giỏi	
221	Phạm Sĩ Anh	Đức	Nam	23-01-2003	22SVL	3.18	131	Khá	
222	Trần Nguyễn Khánh	Dương	Nam	02-02-2004	22SVL	3.36	135	Giỏi	
223	Phạm Cao Thảo	Duyên	Nữ	01-01-2004	22SVL	3.30	131	Giỏi	
224	Đặng Thị	Hà	Nữ	01-01-2004	22SVL	3.00	133	Khá	
225	Đào Lê	Hạ	Nữ	05-06-2004	22SVL	3.03	131	Khá	
226	Cao Thị Mỹ	Hào	Nữ	03-07-2004	22SVL	3.40	131	Giỏi	
227	Dương Văn	Hiếu	Nam	25-06-2004	22SVL	3.48	131	Giỏi	
228	Võ Nguyễn Việt	Hoa	Nữ	14-07-2004	22SVL	3.37	131	Giỏi	
229	Võ Thị Quý	Hoài	Nữ	07-07-2004	22SVL	3.39	131	Giỏi	
230	Nguyễn Minh	Hoàng	Nữ	17-07-2004	22SVL	3.57	131	Giỏi	
231	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	20-05-2004	22SVL	3.35	131	Giỏi	
232	Nguyễn Ngọc	Hưng	Nam	14-02-2004	22SVL	3.45	133	Giỏi	
233	Lê Tuấn	Huy	Nam	08-02-2004	22SVL	3.15	131	Khá	
234	Đậu Thị	Huyền	Nữ	24-03-2004	22SVL	3.62	131	Xuất sắc	
235	Nguyễn Đình	Khang	Nam	31-08-2003	22SVL	2.84	131	Khá	
236	Phan Thị	Kiều	Nữ	08-07-2004	22SVL	3.29	133	Giỏi	
237	Huỳnh Thị Thanh	Lan	Nữ	04-02-2004	22SVL	3.41	133	Giỏi	
238	Huỳnh Y Tuyết	Lan	Nữ	13-07-2004	22SVL	3.50	131	Giỏi	
239	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	23-07-2004	22SVL	3.47	131	Giỏi	
240	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	13-09-2003	22SVL	3.68	131	Xuất sắc	
241	Lê Viết Thiên	Lộc	Nam	12-06-2004	22SVL	3.67	131	Xuất sắc	
242	Nguyễn Lương	Lợi	Nam	16-04-2004	22SVL	3.58	131	Giỏi	
243	Trần Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	02-09-2004	22SVL	3.53	131	Giỏi	
244	Hồ Mai Tuyết	Ngân	Nữ	15-04-2004	22SVL	3.03	131	Khá	
245	Hồ Thị Thúy	Ngân	Nữ	21-12-2004	22SVL	3.73	131	Xuất sắc	
246	Trịnh Ngọc Bảo	Ngọc	Nam	20-10-2003	22SVL	3.61	133	Xuất sắc	
247	Nguyễn Ngô Thảo	Nguyên	Nữ	09-04-2004	22SVL	3.38	131	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
248	Nguyễn Lê Xuân	Nhật	Nam	06-11-2004	22SVL	3.21	133	Giỏi	
249	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	10-01-2004	22SVL	3.33	133	Giỏi	
250	Lê Thị Kiều	Oanh	Nữ	05-10-2004	22SVL	3.36	131	Giỏi	
251	Võ Thị Thu	Phượng	Nữ	27-04-2004	22SVL	3.36	133	Giỏi	
252	Đặng Hữu Nam	Sang	Nam	15-10-2004	22SVL	3.43	135	Giỏi	
253	Ngô Thiên	Sử	Nam	24-10-2004	22SVL	3.44	133	Giỏi	
254	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	04-02-2004	22SVL	3.34	131	Giỏi	
255	Lê Đặng Hoàng	Thư	Nữ	17-08-2004	22SVL	3.76	131	Xuất sắc	
256	Huỳnh Thị Thủy	Thuận	Nữ	06-04-2004	22SVL	3.73	131	Xuất sắc	
257	Hà Phương	Thùy	Nữ	10-06-2004	22SVL	2.55	131	Khá	
258	Phạm Ngọc Hoa	Tranh	Nữ	30-03-2004	22SVL	3.44	131	Giỏi	
259	Ngô Thanh	Trúc	Nữ	01-09-2004	22SVL	3.81	133	Xuất sắc	
260	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	14-08-2004	22SVL	2.87	131	Khá	
261	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	22-10-2004	22SVL	3.35	131	Giỏi	
262	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	Nữ	19-01-2004	22SVL	3.69	131	Xuất sắc	
263	Đinh Thị Quỳnh	Hương	Nữ	25-05-2004	22CVK	3.06	131	Khá	
264	Đặng Vĩ	Thái	Nam	19-10-2003	22CVK	3.33	131	Giỏi	
265	Nguyễn Tuấn	Thiện	Nam	31-01-2001	22CVK	3.48	131	Giỏi	
266	Lê Phan Thanh	Trúc	Nữ	16-11-2004	22CVK	3.74	131	Xuất sắc	
267	Nguyễn Hữu	An	Nam	18-12-2004	22SHH	3.99	130	Xuất sắc	
268	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	02-10-2004	22SHH	3.58	130	Giỏi	
269	Phạm Văn	Bưởi	Nam	01-06-2004	22SHH	2.83	130	Khá	
270	Nguyễn Lê Mạnh	Cường	Nam	07-12-2004	22SHH	3.51	130	Giỏi	
271	Nguyễn	Đại	Nam	06-01-2003	22SHH	2.83	130	Khá	
272	Phạm Duy	Đạt	Nam	10-02-2004	22SHH	3.18	132	Khá	
273	Phan Mỹ	Diễm	Nữ	03-03-2004	22SHH	3.52	130	Giỏi	
274	Phan Thị Huyền	Diệu	Nữ	11-02-2004	22SHH	3.26	132	Giỏi	
275	Đặng Thị Hà	Giang	Nữ	19-03-2004	22SHH	3.18	130	Khá	
276	Nguyễn Thị Trà	Giang	Nữ	15-07-2004	22SHH	3.82	132	Xuất sắc	
277	Trịnh Bảo	Hân	Nữ	11-07-2004	22SHH	3.39	132	Giỏi	
278	Huỳnh Nguyễn Thảo	Hạnh	Nữ	11-12-2004	22SHH	3.66	130	Xuất sắc	
279	Phan Mỹ	Hạnh	Nữ	27-06-2004	22SHH	3.23	132	Giỏi	
280	Đặng Hữu	Hiệp	Nam	10-03-2002	22SHH	3.42	130	Giỏi	
281	Ngô Thúy	Hòa	Nữ	04-02-2004	22SHH	3.47	130	Giỏi	
282	Nguyễn Thị Ngọc	Hòa	Nữ	07-11-2004	22SHH	2.90	130	Khá	
283	Trần Thị Diễm	Hồng	Nữ	10-04-2004	22SHH	3.45	130	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
284	Nguyễn Phạm Hồng Hưng	Nam	27-05-2004	22SHH	3.29	130	Giỏi	
285	Đào Huỳnh Nhật Huy	Nam	26-11-2004	22SHH	3.69	134	Xuất sắc	
286	Huỳnh Phương Lam	Nữ	19-06-2004	22SHH	3.52	130	Giỏi	
287	Nguyễn Văn Ly	Nữ	03-10-2004	22SHH	3.81	132	Xuất sắc	
288	Nguyễn Thị Hải Lý	Nữ	05-05-2004	22SHH	3.66	132	Xuất sắc	
289	Lê Thị Trà My	Nữ	10-12-2004	22SHH	3.22	130	Giỏi	
290	Lê Thị Bích Ngọc	Nữ	13-04-2004	22SHH	3.67	130	Xuất sắc	
291	Nguyễn Thị Ngọc Như	Nữ	16-07-2003	22SHH	3.59	132	Giỏi	
292	Lê Thị Hồng Nhung	Nữ	17-01-2004	22SHH	3.52	130	Giỏi	
293	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	16-06-2004	22SHH	3.81	130	Xuất sắc	
294	Võ Thị Xuân Ny	Nữ	25-01-2004	22SHH	3.10	130	Khá	
295	Trần Hà Phương	Nữ	07-06-2004	22SHH	3.80	132	Xuất sắc	
296	Võ Thị Thu Phượng	Nữ	13-05-2004	22SHH	3.60	130	Xuất sắc	
297	Lưu Phạm Như Quỳnh	Nữ	25-04-2004	22SHH	3.47	132	Giỏi	
298	Đinh Minh Tâm	Nam	20-09-2004	22SHH	3.65	130	Xuất sắc	
299	Hoàng Nữ Thanh Tâm	Nữ	15-03-2004	22SHH	3.81	132	Xuất sắc	
300	Phạm Minh Tâm	Nữ	29-11-2004	22SHH	3.83	132	Xuất sắc	
301	Hứa Văn Thái	Nam	01-08-2004	22SHH	3.34	132	Giỏi	
302	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	19-07-2003	22SHH	3.64	132	Xuất sắc	
303	Huỳnh Thu Thảo	Nữ	02-12-2004	22SHH	3.60	132	Xuất sắc	
304	Lê Thái Thông	Nam	14-03-2003	22SHH	3.24	136	Giỏi	
305	Hồ Thị Minh Thư	Nữ	03-09-2004	22SHH	3.92	130	Xuất sắc	
306	Lê Thị Hoài Thương	Nữ	20-07-2004	22SHH	3.32	130	Giỏi	
307	Trần Thị Thủy Tiên	Nữ	22-01-2004	22SHH	3.23	132	Giỏi	
308	Trương Thủy Tiên	Nữ	15-09-2004	22SHH	3.69	130	Xuất sắc	
309	Nguyễn Văn Toàn	Nam	10-09-2004	22SHH	3.34	132	Giỏi	
310	Nguyễn Vũ Toàn	Nam	10-06-2004	22SHH	3.48	132	Giỏi	
311	Cao Thị Huyền Trang	Nữ	24-02-2004	22SHH	3.36	132	Giỏi	
312	Nguyễn Thùy Thanh Trúc	Nữ	05-10-2004	22SHH	3.47	130	Giỏi	
313	Chu Minh Tuấn	Nam	05-05-2003	22SHH	2.97	130	Khá	
314	Lê Tất Anh Tuấn	Nam	08-04-2004	22SHH	3.54	130	Giỏi	
315	Trần Thị Thanh Tuyết	Nữ	01-12-2004	22SHH	3.62	130	Xuất sắc	
316	Nguyễn Thị Thúy Vy	Nữ	05-07-2004	22SHH	3.22	130	Giỏi	
317	Huỳnh Bảo An	Nữ	23-09-2004	22CHD	2.73	131	Khá	
318	Nguyễn Đoàn Khánh An	Nữ	09-02-2004	22CHD	2.92	133	Khá	
319	Nguyễn Thị Thu Anh	Nữ	01-01-2003	22CHD	2.69	131	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
320	Trần Hoàng Ngọc Anh	Nữ	16-06-2004	22CHD	3.36	131	Giỏi	
321	Trương Thị Ngọc Ánh	Nữ	03-01-2004	22CHD	2.62	131	Khá	
322	Võ Thị Mỹ Duyên	Nữ	06-12-2003	22CHD	2.47	133	Trung bình	
323	Ngô Thị Thu Hà	Nữ	20-04-2004	22CHD	2.87	131	Khá	
324	Nguyễn Thúy Hằng	Nữ	01-12-2004	22CHD	3.24	131	Giỏi	
325	Trần Phước Dương Minh Hiếu	Nam	03-09-2004	22CHD	3.31	131	Giỏi	
326	Lê Khánh Hưng	Nam	27-04-2004	22CHD	2.66	133	Khá	
327	Lê Khang Hy	Nam	08-08-2004	22CHD	2.70	133	Khá	
328	Trần Thị Quỳnh Nghi	Nữ	31-03-2004	22CHD	2.94	131	Khá	
329	Phạm Thị Thảo Nguyên	Nữ	03-12-2004	22CHD	3.81	131	Xuất sắc	
330	Trần Nguyễn Lan Nhi	Nữ	02-12-2004	22CHD	3.05	133	Khá	
331	Nguyễn Lê Quân	Nam	03-11-2003	22CHD	3.42	133	Giỏi	
332	Đặng Thị Diễm Quỳnh	Nữ	19-03-2004	22CHD	3.03	131	Khá	
333	Lê Minh Chiến Thắng	Nam	03-04-2004	22CHD	3.08	135	Khá	
334	Hồ Phùng Phương Thảo	Nữ	14-08-2004	22CHD	2.82	131	Khá	
335	Nguyễn Thị Hương Thảo	Nữ	27-06-2004	22CHD	2.90	131	Khá	
336	Đỗ Anh Thư	Nữ	17-05-2004	22CHD	2.56	131	Khá	
337	Ngô Thị Huyền Trâm	Nữ	08-10-2004	22CHD	2.74	133	Khá	
338	Trần Mai Trâm	Nữ	27-01-2004	22CHD	3.14	133	Khá	
339	Huỳnh Thị Thanh Trúc	Nữ	13-06-2004	22CHD	2.99	131	Khá	
340	Lê Huỳnh Thanh Trúc	Nữ	05-11-2004	22CHD	2.77	131	Khá	
341	Nguyễn Thị Thanh Tú	Nữ	20-07-2004	22CHD	2.88	131	Khá	
342	Lê Thị Kim Xinh	Nữ	01-11-2003	22CHD	2.97	133	Khá	
343	Phùng Thảo Ý	Nữ	20-10-2004	22CHD	2.94	131	Khá	
344	Bùi Trần Minh Anh	Nữ	04-05-2004	22SKT1	3.23	130	Giỏi	
345	Hoàng Thị Phương Anh	Nữ	25-08-2004	22SKT1	3.18	133	Khá	
346	Huỳnh Nguyễn Trâm Anh	Nữ	22-06-2004	22SKT1	3.07	134	Khá	
347	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	19-08-2004	22SKT1	3.80	130	Xuất sắc	
348	Nguyễn Đức Cường	Nam	28-03-2004	22SKT1	3.21	131	Giỏi	
349	Võ Thị Lệ Diệu	Nữ	06-06-2004	22SKT1	3.51	132	Giỏi	
350	Văn Lương Ngọc Duyên	Nữ	05-11-2004	22SKT1	2.96	136	Khá	
351	Nguyễn Thu Hà	Nữ	26-12-2003	22SKT1	3.51	132	Giỏi	
352	Lê Thị Hằng	Nữ	26-10-2004	22SKT1	3.75	130	Xuất sắc	
353	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Nữ	15-03-2004	22SKT1	3.55	132	Giỏi	
354	Nguyễn Thị Phương Hoa	Nữ	02-04-2003	22SKT1	3.41	131	Giỏi	
355	Trần Khánh Hồng	Nữ	10-01-2004	22SKT1	3.64	131	Xuất sắc	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
356	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	20-07-2004	22SKT1	3.42	130	Giỏi	
357	Lương Thị Kim Huyền	Nữ	08-11-2004	22SKT1	3.75	132	Xuất sắc	
358	Võ Hoàng Kim Huyền	Nữ	26-01-2004	22SKT1	3.48	131	Giỏi	
359	Nguyễn Trọng Khôi	Nam	01-11-1999	22SKT1	3.59	131	Giỏi	
360	Đặng Thị Kim Lan	Nữ	11-06-2004	22SKT1	3.57	130	Giỏi	
361	Bùi Thị Hiền Linh	Nữ	20-10-2004	22SKT1	3.26	133	Giỏi	
362	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	11-02-2004	22SKT1	3.89	131	Xuất sắc	
363	Phan Thị Kim Lưu	Nữ	01-12-2004	22SKT1	3.56	131	Giỏi	
364	Phan Nữ Thảo Ly	Nữ	08-02-2004	22SKT1	3.42	134	Giỏi	
365	Trịnh Khánh Ly	Nữ	01-08-2004	22SKT1	3.32	134	Giỏi	
366	Phạm Tiến Mạnh	Nam	12-01-2004	22SKT1	3.35	131	Giỏi	
367	Trần Đỗ Nhật Minh	Nữ	17-06-2004	22SKT1	3.21	132	Giỏi	
368	Đinh Thị My	Nữ	16-06-2004	22SKT1	3.35	134	Giỏi	
369	Lê Nguyễn Trà My	Nữ	21-12-2004	22SKT1	3.80	131	Xuất sắc	
370	Trần Thị Diễm My	Nữ	15-10-2004	22SKT1	3.53	132	Giỏi	
371	Huỳnh Võ Thanh Ngân	Nữ	05-10-2004	22SKT1	3.95	131	Xuất sắc	
372	Đào Minh Ngọc	Nữ	13-12-2004	22SKT1	2.76	131	Khá	
373	Phạm Thị Ánh Nguyệt	Nữ	12-07-2004	22SKT1	3.75	130	Xuất sắc	
374	Lương Tổ Như	Nữ	25-02-2004	22SKT1	3.61	131	Xuất sắc	
375	Thái Vũ Thanh Như	Nữ	01-01-2004	22SKT1	2.93	131	Khá	
376	Trần Thị Quỳnh Như	Nữ	17-10-2004	22SKT1	3.91	131	Xuất sắc	
377	Nguyễn Ngô Thị Ní Nơ	Nữ	06-07-2003	22SKT1	3.52	131	Giỏi	
378	Trần Thị Kim Oanh	Nữ	01-02-2004	22SKT1	3.74	131	Xuất sắc	
379	Võ Thị Lan Oanh	Nữ	30-10-2004	22SKT1	3.61	130	Xuất sắc	
380	Đỗ Trà Tâm	Nữ	16-10-2004	22SKT1	3.31	131	Giỏi	
381	Nguyễn Phú Tân	Nam	13-06-2003	22SKT1	3.19	134	Khá	
382	Phạm Tạ Hoài Thanh	Nữ	09-02-2004	22SKT1	3.07	136	Khá	
383	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	12-09-2004	22SKT1	3.71	131	Xuất sắc	
384	Phạm Mai Phương Thảo	Nữ	01-04-2004	22SKT1	3.63	132	Xuất sắc	
385	Võ Thị Như Thảo	Nữ	01-06-2004	22SKT1	3.26	135	Giỏi	
386	Phan Thị Hoài Thu	Nữ	17-06-2004	22SKT1	3.59	134	Giỏi	
387	Lê Thị Kim Thúy	Nữ	07-04-2004	22SKT1	3.62	131	Xuất sắc	
388	Lê Võ Như Thùy	Nữ	30-06-2004	22SKT1	3.67	131	Xuất sắc	
389	Lê Thị Bích Thủy	Nữ	14-12-2004	22SKT1	3.43	130	Giỏi	
390	Nguyễn Thị Kim Thủy	Nữ	27-02-2004	22SKT1	3.17	139	Khá	
391	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	Nữ	27-06-2004	22SKT1	3.39	134	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
392	Nguyễn Thành	Toàn	Nam	05-10-2004	22SKT1	3.87	131	Xuất sắc	
393	Trương Quốc	Toàn	Nam	07-10-2004	22SKT1	3.79	131	Xuất sắc	
394	Bùi Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	27-12-2004	22SKT1	3.60	139	Xuất sắc	
395	Phạm Thị Hoài	Trâm	Nữ	23-06-2004	22SKT1	3.42	131	Giỏi	
396	Lê Thị	Trang	Nữ	05-04-2004	22SKT1	3.42	130	Giỏi	
397	Nguyễn Phan Thùy	Trang	Nữ	28-02-2004	22SKT1	3.27	131	Giỏi	
398	Lại Minh	Trúc	Nữ	02-02-2004	22SKT1	3.57	131	Giỏi	
399	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	Nữ	20-09-2004	22SKT1	3.66	131	Xuất sắc	
400	Nguyễn Thụy Thảo	Vy	Nữ	23-08-2004	22SKT1	3.64	131	Xuất sắc	
401	Nguyễn Thị Tổng	Cách	Nữ	23-09-2004	22SKT2	3.22	136	Giỏi	
402	Mai Thị Mỹ	Châu	Nữ	08-11-1994	22SKT2	3.75	131	Xuất sắc	
403	Ngô Thị Cẩm	Châu	Nữ	18-08-2004	22SKT2	3.13	131	Khá	
404	Nguyễn Lê Quỳnh	Chi	Nữ	30-10-2004	22SKT2	3.16	135	Khá	
405	Lương Hải	Chuyên	Nữ	02-08-2004	22SKT2	3.40	131	Giỏi	
406	Đặng Chí	Cường	Nam	13-08-2003	22SKT2	3.32	131	Giỏi	
407	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	12-07-2004	22SKT2	3.45	131	Giỏi	
408	Phạm Thị Bích	Diệp	Nữ	24-08-2004	22SKT2	3.37	134	Giỏi	
409	Bùi Văn	Định	Nam	19-06-2004	22SKT2	2.72	134	Khá	
410	Trần Phương	Giang	Nữ	02-01-2004	22SKT2	3.19	131	Khá	
411	Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	10-12-2004	22SKT2	3.16	137	Khá	
412	Hồ Việt	Hiếu	Nam	13-07-2004	22SKT2	2.82	134	Khá	
413	Lê Hữu	Hòa	Nam	10-07-2004	22SKT2	3.38	134	Giỏi	
414	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	11-11-2004	22SKT2	3.33	134	Giỏi	
415	Nguyễn Mai	Hương	Nữ	12-07-2004	22SKT2	3.12	136	Khá	
416	Võ Xuân	Hương	Nữ	18-12-2004	22SKT2	3.23	137	Giỏi	
417	Nguyễn Mai Khánh	Huyền	Nữ	13-04-2004	22SKT2	3.36	133	Giỏi	
418	Phạm Thị Thu	Huyền	Nữ	13-07-2004	22SKT2	3.18	139	Khá	
419	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	28-07-2004	22SKT2	3.85	131	Xuất sắc	
420	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	30-09-2004	22SKT2	3.81	131	Xuất sắc	
421	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	22-01-2004	22SKT2	3.52	131	Giỏi	
422	Trần Thị Ngọc	Na	Nữ	11-06-2004	22SKT2	3.29	134	Giỏi	
423	Đoàn Trịnh Bảo	Ngân	Nữ	10-11-2004	22SKT2	3.32	136	Giỏi	
424	Ngô Lê Kim	Ngân	Nữ	05-04-2004	22SKT2	3.18	134	Khá	
425	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	02-12-2003	22SKT2	3.52	131	Giỏi	
426	Phan Thị Kim	Ngân	Nữ	08-11-2004	22SKT2	3.23	137	Giỏi	
427	Nguyễn Đặng Như	Ngọc	Nữ	03-03-2004	22SKT2	3.02	131	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
428	Nguyễn Dương	Nguyên	Nam	08-02-2002	22SKT2	3.03	132	Khá	
429	Lưu Thị Hải	Nhật	Nữ	19-01-2004	22SKT2	3.36	132	Giỏi	
430	Đoàn Phi	Nhi	Nữ	14-10-2004	22SKT2	3.62	131	Xuất sắc	
431	Võ Tường	Nhi	Nữ	01-11-2004	22SKT2	2.68	134	Khá	
432	Vũ Đỗ Ý	Nhi	Nữ	24-09-2004	22SKT2	3.36	133	Giỏi	
433	Lâm Quỳnh	Như	Nữ	02-06-2004	22SKT2	3.72	131	Xuất sắc	
434	Nguyễn Thị Linh	Phương	Nữ	12-06-2004	22SKT2	3.11	134	Khá	
435	Lê Tú	Quyên	Nữ	31-07-2004	22SKT2	3.00	133	Khá	
436	Trần Thị Tổ	Quyên	Nữ	02-08-2004	22SKT2	3.60	131	Xuất sắc	
437	Huỳnh Thị Thư	Sinh	Nữ	31-08-2003	22SKT2	3.76	131	Xuất sắc	
438	Huỳnh Ngọc Hoàng	Thắm	Nữ	02-04-2004	22SKT2	3.31	134	Giỏi	
439	Lê Thị Phương	Thanh	Nữ	10-05-2004	22SKT2	3.51	131	Giỏi	
440	Trương Ngọc	Thảo	Nữ	20-06-2004	22SKT2	3.53	135	Giỏi	
441	Lê Mạc Minh	Thư	Nữ	09-01-2004	22SKT2	3.29	134	Giỏi	
442	Phan Thị Ngọc	Thư	Nữ	10-05-2004	22SKT2	3.15	139	Khá	
443	Trần Thị Hoài	Thương	Nữ	23-07-2004	22SKT2	3.48	133	Giỏi	
444	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	04-05-2004	22SKT2	3.13	134	Khá	
445	Võ Thị Thanh	Thúy	Nữ	25-08-2004	22SKT2	3.35	131	Giỏi	
446	Huỳnh Thị Thanh	Thủy	Nữ	12-03-2004	22SKT2	3.55	136	Giỏi	
447	Nguyễn Hồ Anh	Tiên	Nữ	29-07-2003	22SKT2	3.97	131	Xuất sắc	
448	Võ Mai	Trâm	Nữ	04-04-2004	22SKT2	3.42	132	Giỏi	
449	Hoàng Thị Khánh	Trang	Nữ	11-04-2004	22SKT2	3.48	131	Giỏi	
450	Đặng Thị Kiều	Trình	Nữ	01-08-2004	22SKT2	3.64	135	Xuất sắc	
451	Trần Thị Kiều	Trình	Nữ	08-09-2004	22SKT2	3.38	136	Giỏi	
452	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	Nữ	08-08-2004	22SKT2	3.20	134	Giỏi	
453	Huỳnh Thị Như	Uyên	Nữ	15-07-2004	22SKT2	3.04	134	Khá	
454	Đoàn Thị Quý	Vy	Nữ	21-12-2004	22SKT2	3.16	131	Khá	
455	Võ Ngọc Thảo	Vy	Nữ	14-10-2004	22SKT2	3.19	131	Khá	
456	Lê Hồng Loan	Vỹ	Nữ	03-12-2004	22SKT2	3.55	141	Giỏi	
457	Trần Thị	An	Nữ	21-03-2004	22SS	3.40	131	Giỏi	
458	Nguyễn Ngọc Linh	Chi	Nữ	14-05-2004	22SS	3.81	131	Xuất sắc	
459	Lương Nguyễn Quốc	Cường	Nam	25-11-2004	22SS	3.24	131	Giỏi	
460	Phạm Thị	Diễm	Nữ	27-03-2004	22SS	3.92	131	Xuất sắc	
461	Nguyễn Nho Nhật	Hân	Nữ	22-10-2004	22SS	3.15	131	Khá	
462	Phan Thị	Lê	Nữ	21-02-2004	22SS	3.50	131	Giỏi	
463	Võ Thị Kim	Liên	Nữ	28-09-2004	22SS	3.33	133	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
464	Nguyễn Thị Kiều Linh	Nữ	07-11-2004	22SS	3.17	131	Khá	
465	Nguyễn Lê Ly Na	Nữ	11-06-2004	22SS	3.32	133	Giỏi	
466	Nguyễn Ái Ngân	Nữ	10-04-2004	22SS	3.37	133	Giỏi	
467	Trần Thị Phương Nhi	Nữ	23-01-2004	22SS	3.46	133	Giỏi	
468	Đặng Vũ Quỳnh Như	Nữ	25-10-2004	22SS	3.84	133	Xuất sắc	
469	Nguyễn Thị Thảo Uyên	Nữ	23-08-2004	22SS	3.09	133	Khá	
470	Đỗ Phan Thanh Thanh	Nữ	29-07-2004	22SS	3.72	133	Xuất sắc	
471	Văn Thị Hiền Thảo	Nữ	08-08-2004	22SS	3.89	131	Xuất sắc	
472	Phạm Thị Bé Thủy	Nữ	12-05-2004	22SS	3.22	133	Giỏi	
473	Lê Thị Minh Tính	Nữ	17-08-2004	22SS	3.08	133	Khá	
474	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Nữ	29-03-2004	22SS	3.14	131	Khá	
475	Phan Thị Thuý Trang	Nữ	06-02-2004	22SS	3.66	133	Xuất sắc	
476	Nguyễn Hồ Quốc Bảo	Nam	22-09-2004	22CTM	2.74	130	Khá	
477	Nguyễn Thị Đào	Nữ	16-03-2004	22CTM	3.29	130	Giỏi	
478	Đào Hoàng Thùy Dung	Nữ	06-08-2004	22CTM	2.94	130	Khá	
479	Trương Công Nguyễn Quốc Huy	Nam	01-02-2004	22CTM	2.71	130	Khá	
480	Nguyễn Thị Hòa My	Nữ	19-05-2004	22CTM	3.15	130	Khá	
481	Nguyễn Trần Phương Ngân	Nữ	22-04-2004	22CTM	3.08	130	Khá	
482	Nguyễn Thị Kim Phương	Nữ	09-08-2002	22CTM	3.65	130	Xuất sắc	
483	Phan Mai Diễm Quỳnh	Nữ	10-09-2004	22CTM	3.04	130	Khá	
484	Chanthavongsa Mekvilay	Nữ	26-05-2004	22CTM	2.87	130	Khá	
485	Nguyễn Xuân Bắc	Nam	09-06-2002	22CNSH	3.37	132	Giỏi	
486	Đinh Thị Diễm	Nữ	18-11-2004	22CNSH	3.25	132	Giỏi	
487	Lê Khánh Duyên	Nữ	28-08-2004	22CNSH	3.41	131	Giỏi	
488	Phan Thị Mai Hiếu	Nữ	08-02-2004	22CNSH	3.06	132	Khá	
489	Trần Thanh Hiếu	Nam	07-07-2004	22CNSH	3.73	132	Xuất sắc	
490	Phạm Văn Hoàng	Nam	07-11-2004	22CNSH	3.54	134	Giỏi	
491	Hoàng Thị Khánh Linh	Nữ	24-02-2004	22CNSH	3.21	134	Giỏi	
492	Lương Gia Ngân	Nữ	04-11-2004	22CNSH	2.96	131	Khá	
493	Võ Phước Thanh Nguyên	Nữ	28-11-2004	22CNSH	3.26	134	Giỏi	
494	Lê Hồ Quỳnh Như	Nữ	29-07-2004	22CNSH	3.13	132	Khá	
495	Trần Thị Mỹ Uyên	Nữ	20-11-2004	22CNSH	3.42	134	Giỏi	
496	Nguyễn Hòa Minh Thư	Nữ	16-12-2004	22CNSH	3.10	132	Khá	
497	Hoàng Thị Thu Tiến	Nữ	01-10-2004	22CNSH	3.72	134	Xuất sắc	
498	Trương Nguyễn Thảo Uyên	Nữ	11-03-2004	22CNSH	3.02	132	Khá	
499	Võ Đức Vinh	Nam	28-09-2004	22CNSH	2.76	134	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
500	Nguyễn Phương Vy	Nữ	11-12-2004	22CNSH	3.41	134	Giỏi	
501	Đậu Thị Ngọc Ánh	Nữ	28-05-2004	22SNV1	3.32	139	Giỏi	
502	Nguyễn Thị Tâm Bình	Nữ	19-10-2004	22SNV1	3.49	135	Giỏi	
503	Trần Thị Châu	Nữ	05-09-2004	22SNV1	3.38	137	Giỏi	
504	Trịnh Thị Thúy Đào	Nữ	09-05-2004	22SNV1	3.82	136	Xuất sắc	
505	Nguyễn Thị Hiền Diễm	Nữ	17-08-2004	22SNV1	3.66	139	Xuất sắc	
506	Viên Thùy Dương	Nữ	01-08-2004	22SNV1	3.38	139	Giỏi	
507	Phạm Thị Hà Giang	Nữ	31-05-2004	22SNV1	3.53	136	Giỏi	
508	Lê Thị Hạnh	Nữ	24-10-2004	22SNV1	3.20	137	Giỏi	
509	Phạm Thị Hòa	Nữ	24-05-2004	22SNV1	3.28	137	Giỏi	
510	Nguyễn Đức Hoàng	Nam	16-12-2004	22SNV1	3.48	137	Giỏi	
511	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	22-12-2004	22SNV1	3.47	137	Giỏi	
512	Nguyễn Khánh Huyền	Nữ	20-12-2004	22SNV1	3.41	137	Giỏi	
513	Phan Kiều Thanh Huyền	Nữ	11-07-2004	22SNV1	3.38	137	Giỏi	
514	Trần Thị Diệu Huyền	Nữ	21-07-2004	22SNV1	3.29	137	Giỏi	
515	Nguyễn Đăng Gia Hy	Nam	21-11-2004	22SNV1	3.59	137	Giỏi	
516	H - Quỳn Kbuôr	Nữ	04-06-2004	22SNV1	3.09	137	Khá	
517	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	20-05-2004	22SNV1	3.65	137	Xuất sắc	
518	Nguyễn Đình Long	Nam	17-12-2004	22SNV1	3.66	134	Xuất sắc	
519	Nguyễn Thị Mai	Nữ	25-08-2004	22SNV1	3.58	137	Giỏi	
520	Trần Thị Trà Mi	Nữ	10-02-2004	22SNV1	3.44	137	Giỏi	
521	Võ Thị Hằng Nga	Nữ	12-03-2004	22SNV1	3.54	137	Giỏi	
522	Võ Lưu Khánh Ngân	Nữ	30-01-2004	22SNV1	3.49	136	Giỏi	
523	Đặng Nguyễn Đăng Nguyên	Nữ	20-12-2004	22SNV1	3.37	139	Giỏi	
524	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	13-05-2004	22SNV1	3.84	139	Xuất sắc	
525	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	30-10-2004	22SNV1	3.22	139	Giỏi	
526	Hồ Quỳnh Như	Nữ	30-06-2004	22SNV1	3.66	135	Xuất sắc	
527	Nguyễn Vũ Linh Như	Nữ	04-07-2003	22SNV1	3.51	139	Giỏi	
528	Lê Thị Hồng Nhung	Nữ	05-08-2004	22SNV1	3.51	135	Giỏi	
529	Trần Mai An Phúc	Nữ	23-01-2004	22SNV1	3.68	137	Xuất sắc	
530	Nguyễn Khánh Quỳnh	Nữ	19-08-2004	22SNV1	3.48	137	Giỏi	
531	Hà Thị Thúy	Nữ	06-11-2004	22SNV1	3.45	137	Giỏi	
532	Nguyễn Thị Bích Thùy	Nữ	01-11-2004	22SNV1	3.47	139	Giỏi	
533	Nguyễn Tấn Trái	Nam	02-06-2004	22SNV1	3.62	143	Xuất sắc	
534	Huỳnh Thị Bảo Trâm	Nữ	06-06-2004	22SNV1	3.76	143	Xuất sắc	
535	Ngô Minh Trang	Nữ	13-02-2004	22SNV1	3.72	137	Xuất sắc	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
536	Ngô Thị Tri	Nữ	29-04-2004	22SNV1	3.45	137	Giỏi	
537	Lê Thanh Tuyết	Nữ	02-07-2004	22SNV1	3.62	137	Xuất sắc	
538	Hoàng Thị Thùy Vân	Nữ	15-02-2004	22SNV1	3.46	137	Giỏi	
539	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nữ	23-05-2004	22SNV1	3.88	142	Xuất sắc	
540	Lương Thị Lan Anh	Nữ	11-01-2004	22SNV2	3.81	141	Xuất sắc	
541	Dương Ngọc Ánh	Nữ	18-06-2004	22SNV2	3.45	137	Giỏi	
542	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	20-03-2004	22SNV2	3.49	135	Giỏi	
543	Trần Nhật Ánh	Nữ	21-02-2004	22SNV2	3.74	137	Xuất sắc	
544	Đoàn Thị Minh Châu	Nữ	23-08-2004	22SNV2	3.61	141	Xuất sắc	
545	Nguyễn Lê Khánh Duyệt	Nữ	26-05-2004	22SNV2	3.70	140	Xuất sắc	
546	Nguyễn Trần Ánh Dương	Nữ	25-06-2004	22SNV2	3.71	140	Xuất sắc	
547	Võ Thị Thùy Dương	Nữ	06-04-2004	22SNV2	3.61	135	Xuất sắc	
548	Lê Thị Thùy Duyên	Nữ	12-06-2004	22SNV2	3.72	135	Xuất sắc	
549	Phạm Thị Hà	Nữ	22-05-2004	22SNV2	3.38	137	Giỏi	
550	Nguyễn Thị Diễm Hằng	Nữ	11-04-2004	22SNV2	3.42	137	Giỏi	
551	Đinh Thị Y Hạnh	Nữ	15-04-2004	22SNV2	3.57	137	Giỏi	
552	Arát Thị Hào	Nữ	13-10-2004	22SNV2	3.54	137	Giỏi	
553	Nguyễn Hải Hậu	Nữ	02-11-2004	22SNV2	3.49	137	Giỏi	
554	Trương Thị Phương Hiền	Nữ	29-10-2004	22SNV2	3.74	135	Xuất sắc	
555	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nữ	23-02-2004	22SNV2	3.58	135	Giỏi	
556	Hoàng Thị Huyền	Nữ	19-11-2004	22SNV2	3.37	134	Giỏi	
557	Nguyễn Lê Bảo Khanh	Nữ	19-09-2004	22SNV2	3.02	132	Khá	
558	Lê Hiền Tú Linh	Nữ	28-11-2004	22SNV2	3.73	140	Xuất sắc	
559	Nguyễn Thị Thảo Linh	Nữ	22-02-2004	22SNV2	3.65	135	Xuất sắc	
560	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	21-01-2004	22SNV2	3.72	137	Xuất sắc	
561	Phan Thị Trà Ly	Nữ	07-02-2004	22SNV2	3.53	137	Giỏi	
562	Ngô Thị Hằng Nga	Nữ	14-05-2004	22SNV2	3.58	141	Giỏi	
563	Lê Trà Ngân	Nữ	06-01-1995	22SNV2	3.81	135	Xuất sắc	
564	Nguyễn Gia Nghi	Nữ	02-07-2004	22SNV2	3.64	137	Xuất sắc	
565	Hà Như Ngọc	Nữ	02-04-2004	22SNV2	3.57	137	Giỏi	
566	Đặng Phương Nhi	Nữ	05-12-2004	22SNV2	3.44	137	Giỏi	
567	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	18-07-2004	22SNV2	3.68	135	Xuất sắc	
568	Arát Thị Kim Oanh	Nữ	24-04-2004	22SNV2	3.23	137	Giỏi	
569	Nguyễn Vũ Anh Phi	Nữ	15-12-2004	22SNV2	3.78	137	Xuất sắc	
570	Nguyễn Thị Kim Phượng	Nữ	13-02-2004	22SNV2	3.80	137	Xuất sắc	
571	Phạm Văn Quân	Nam	19-11-2004	22SNV2	3.88	137	Xuất sắc	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
572	Nguyễn Dương Tố Uyên	Nữ	27-11-2004	22SNV2	3.70	134	Xuất sắc	
573	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Nữ	22-01-2004	22SNV2	3.60	137	Xuất sắc	
574	Hồ Thị Sen	Nữ	19-08-2004	22SNV2	3.69	137	Xuất sắc	
575	Bùi Nguyễn Minh Tâm	Nam	13-10-2004	22SNV2	3.59	137	Giỏi	
576	Nguyễn Quang Thắng	Nam	18-08-2004	22SNV2	3.68	137	Xuất sắc	
577	Nguyễn Trần Hoài Thi	Nữ	05-01-2004	22SNV2	3.61	137	Xuất sắc	
578	Trần Thị Thơ	Nữ	29-05-2004	22SNV2	3.76	137	Xuất sắc	
579	Trương Thị Anh Thư	Nữ	21-11-2004	22SNV2	3.64	135	Xuất sắc	
580	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	17-05-2004	22SNV2	3.61	137	Xuất sắc	
581	Trần Nguyễn Thuý Tiên	Nữ	15-11-2004	22SNV2	3.81	135	Xuất sắc	
582	Đặng Nguyễn Thùy Trân	Nữ	24-07-2004	22SNV2	3.66	137	Xuất sắc	
583	Phạm Thị Huyền Trang	Nữ	18-11-2004	22SNV2	3.54	135	Giỏi	
584	Phùng Thị Trang	Nữ	24-12-2004	22SNV2	3.63	143	Xuất sắc	
585	Nguyễn Thị Tường Vi	Nữ	08-06-2004	22SNV2	3.66	137	Xuất sắc	
586	Lâm Gia Bảo	Nam	12-10-2004	22CVH	3.10	133	Khá	
587	Lê Thị Kim Dung	Nữ	19-12-2004	22CVH	3.32	133	Giỏi	
588	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	25-11-2004	22CVH	3.02	135	Khá	
589	Phạm Hoàng Thanh Duyên	Nữ	05-12-2004	22CVH	3.48	131	Giỏi	
590	Trần Lương Thư Giang	Nữ	01-01-2004	22CVH	3.56	133	Giỏi	
591	Trương Thị Khánh Linh	Nữ	28-08-2004	22CVH	3.01	131	Khá	
592	Nguyễn Thị Mỹ Nga	Nữ	16-08-2004	22CVH	3.16	131	Khá	
593	Nguyễn Lê Bảo Ngân	Nữ	12-01-2004	22CVH	3.56	135	Giỏi	
594	Nguyễn Ngọc Ngân	Nữ	13-05-2004	22CVH	3.36	133	Giỏi	
595	Đoàn Lê Minh Ngọc	Nữ	18-01-2004	22CVH	3.06	131	Khá	
596	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	25-05-2004	22CVH	3.16	133	Khá	
597	Lê Thị Nhớ	Nữ	25-06-2003	22CVH	3.36	131	Giỏi	
598	Lê Thị Ngọc Phúc	Nữ	01-01-2004	22CVH	2.99	133	Khá	
599	Hồ Kim Uyên	Nữ	07-02-2004	22CVH	3.17	133	Khá	
600	Nguyễn Duy Tường Uyên	Nữ	19-10-2004	22CVH	3.43	135	Giỏi	
601	Phan Thị Phương Thảo	Nữ	18-09-2004	22CVH	3.08	131	Khá	
602	Nguyễn Thị Oanh Thư	Nữ	26-05-2004	22CVH	3.41	137	Khá (Hạ bậc)	
603	Đào Nguyễn Vân Thương	Nữ	15-03-2004	22CVH	3.05	131	Khá	
604	Nguyễn Hữu Tín	Nam	08-07-2004	22CVH	3.13	135	Khá	
605	Lê Nguyễn Bảo Trân	Nữ	21-09-2004	22CVH	3.10	135	Khá	
606	Đặng Nguyễn Bảo Trúc	Nữ	04-11-2004	22CVH	3.23	135	Giỏi	
607	Từ Thị Phương Uyên	Nữ	10-08-2004	22CVH	3.09	133	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
608	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Nữ	14-12-2004	22CVH	3.42	135	Giỏi	
609	Lê Thị Kim Yến	Nữ	25-12-2004	22CVH	3.40	133	Giỏi	
610	Nguyễn Thị Kim Yến	Nữ	21-12-2004	22CVH	3.17	131	Khá	
611	Trần Thị Hào	Nữ	12-03-2004	22CVHH	3.38	137	Giỏi	
612	Trần Lâm Hưng	Nam	12-12-2004	22CVHH	3.04	138	Khá	
613	Trần Thanh Lai	Nam	26-03-2004	22CVHH	3.27	138	Giỏi	
614	Đặng Thị Lý My	Nữ	02-09-2004	22CVHH	3.35	137	Giỏi	
615	Trương Thị Ngọc My	Nữ	07-07-2004	22CVHH	3.20	131	Giỏi	
616	Trần Thị Thu Ngân	Nữ	26-06-2004	22CVHH	3.18	136	Khá	
617	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	07-12-2004	22CVHH	3.63	133	Xuất sắc	
618	Hồ Gia Phụng	Nam	22-11-2000	22CVHH	3.46	136	Giỏi	
619	Phan Thị Nhật Thảo	Nữ	24-11-2004	22CVHH	3.04	137	Khá	
620	Cù Thị Anh Thư	Nữ	04-09-2004	22CVHH	3.20	137	Giỏi	
621	Hoàng Thị Thu Trang	Nữ	20-05-2004	22CVHH	3.32	136	Giỏi	
622	Nguyễn Ngọc Mỹ Uyên	Nữ	03-10-2004	22CVHH	2.93	130	Khá	
623	Võ Nguyễn Trang Uyên	Nữ	29-06-2004	22CVHH	3.39	136	Giỏi	
624	Lê Thị Tường Vy	Nữ	30-10-2004	22CVHH	3.26	136	Giỏi	
625	Nguyễn Phan Thảo Vy	Nữ	18-08-2004	22CVHH	3.15	137	Khá	
626	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	18-02-2004	22CVHH	3.37	133	Giỏi	
627	Huỳnh Đăng Thị Thái Bình	Nữ	03-11-2004	22CBC1	3.38	131	Giỏi	
628	Mai Linh Chi	Nữ	30-05-2004	22CBC1	3.53	131	Giỏi	
629	Bùi Thị Thùy Dương	Nữ	25-10-2004	22CBC1	3.42	131	Giỏi	
630	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	20-10-2004	22CBC1	3.43	133	Giỏi	
631	Nguyễn Thị Việt Hà	Nữ	22-08-2004	22CBC1	3.26	131	Giỏi	
632	Trần Thị Mỹ Hạnh	Nữ	03-12-2004	22CBC1	3.31	135	Giỏi	
633	Nguyễn Hậu	Nam	29-04-2004	22CBC1	3.36	133	Giỏi	
634	Lê Thị Bích Huyền	Nữ	15-08-2004	22CBC1	3.38	131	Giỏi	
635	Nay H' Jũh	Nữ	12-02-2004	22CBC1	3.41	131	Giỏi	
636	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	12-07-2004	22CBC1	3.35	135	Giỏi	
637	Trương Tuyết Mai	Nữ	15-03-2004	22CBC1	3.52	131	Giỏi	
638	Doãn Thị Kim Mơ	Nữ	22-08-2004	22CBC1	3.48	131	Giỏi	
639	Nguyễn Thị Vĩ Ngân	Nữ	06-12-2003	22CBC1	3.45	131	Giỏi	
640	Bùi Vũ Tấn Nguyên	Nam	22-06-2004	22CBC1	3.67	133	Xuất sắc	
641	Huỳnh Ý Nhi	Nữ	27-10-2004	22CBC1	3.47	131	Giỏi	
642	Trần An Nhiên	Nữ	01-07-2004	22CBC1	3.19	133	Khá	
643	Bùi Thái Quỳnh Như	Nữ	24-08-2004	22CBC1	3.19	131	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
644	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	12-01-2004	22CBC1	3.50	131	Giỏi	
645	Nguyễn Trần Khánh Ny	Nữ	07-08-2004	22CBC1	3.65	131	Xuất sắc	
646	Nguyễn Thị Hồng Phúc	Nữ	17-11-2004	22CBC1	3.35	131	Giỏi	
647	Đặng Thị Thu Phương	Nữ	28-05-2004	22CBC1	3.30	133	Giỏi	
648	Tăng Thị Phương	Nữ	10-03-2004	22CBC1	3.32	131	Giỏi	
649	Phạm Mai Phú Thịnh	Nam	29-01-2004	22CBC1	3.67	133	Xuất sắc	
650	Lê Thị Minh Thư	Nữ	18-08-2004	22CBC1	3.60	133	Xuất sắc	
651	Võ Minh Thương	Nam	06-09-2004	22CBC1	3.56	133	Giỏi	
652	Lưu Nguyễn Diễm Thùy	Nữ	29-09-2003	22CBC1	3.39	131	Giỏi	
653	Đặng Ngọc Thùy Trâm	Nữ	12-01-2004	22CBC1	3.25	133	Giỏi	
654	Phạm Thu Trang	Nữ	02-12-2004	22CBC1	3.26	131	Giỏi	
655	Lê Hoàng Triều	Nam	15-08-2004	22CBC1	3.30	131	Giỏi	
656	Phạm Thị Ánh Tuyết	Nữ	19-01-2004	22CBC1	3.27	133	Giỏi	
657	Nguyễn Thị Vinh	Nữ	20-03-2004	22CBC1	3.36	133	Giỏi	
658	Lê Trần Thảo Vy	Nữ	21-06-2004	22CBC1	3.48	131	Giỏi	
659	Nguyễn Thị Yến Vy	Nữ	09-07-2004	22CBC1	3.47	131	Giỏi	
660	Nay H' Xiéc	Nữ	13-09-2004	22CBC1	3.15	131	Khá	
661	Ngô Bảo Yến	Nữ	28-09-2004	22CBC1	3.66	131	Xuất sắc	
662	Lê Thị Lan Anh	Nữ	30-08-2004	22CBC2	3.13	131	Khá	
663	Trương Thị Bảo Châu	Nữ	29-01-2004	22CBC2	3.36	133	Giỏi	
664	Trần Lê Thảo Đan	Nữ	17-12-2003	22CBC2	3.25	133	Giỏi	
665	Đỗ Thanh Danh	Nam	15-07-2004	22CBC2	3.32	133	Giỏi	
666	Nguyễn Thị Ánh Đào	Nữ	06-04-2004	22CBC2	3.29	131	Giỏi	
667	Lê Thị Hoài Giang	Nữ	08-02-2004	22CBC2	3.10	131	Khá	
668	Ngô Thị Kim Hiền	Nữ	09-09-2004	22CBC2	3.13	131	Khá	
669	Võ Thị Kim Hồng	Nữ	05-08-2004	22CBC2	3.52	131	Giỏi	
670	Đoàn Quang Hùng	Nam	14-09-2001	22CBC2	3.38	133	Giỏi	
671	Lê Đức Định Hương	Nữ	23-05-2004	22CBC2	3.28	131	Giỏi	
672	Trần Hoàng Lan	Nữ	19-02-2004	22CBC2	3.50	131	Giỏi	
673	Nguyễn Thị Thu Liên	Nữ	02-12-2004	22CBC2	3.57	131	Giỏi	
674	Phạm Lưu Thị Thùy Linh	Nữ	21-01-2004	22CBC2	3.51	131	Giỏi	
675	Ngô Thị Bích Loan	Nữ	16-09-2004	22CBC2	3.45	131	Giỏi	
676	Dương Thị Mỹ Ly	Nữ	07-09-2004	22CBC2	3.42	131	Giỏi	
677	Trần Cẩm Ly	Nữ	13-04-2004	22CBC2	3.35	133	Giỏi	
678	Châu Huệ Mẫn	Nữ	08-09-2004	22CBC2	3.65	133	Xuất sắc	
679	Nguyễn Thị Yến My	Nữ	26-12-2004	22CBC2	3.37	133	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
680	Nguyễn Trần Khánh Na	Nữ	07-08-2004	22CBC2	3.66	131	Xuất sắc	
681	Huỳnh Nhật Kim Nguyên	Nữ	16-07-2004	22CBC2	3.40	131	Giỏi	
682	Văn Thanh Thảo Nguyên	Nữ	07-06-2004	22CBC2	3.32	133	Giỏi	
683	Trương Thị Thuý Nhân	Nữ	01-01-2004	22CBC2	3.54	133	Giỏi	
684	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	09-06-2004	22CBC2	3.36	133	Giỏi	
685	Bùi Thị Oanh	Nữ	04-08-2004	22CBC2	3.20	133	Giỏi	
686	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nữ	14-05-2004	22CBC2	3.34	131	Giỏi	
687	Huỳnh Phước Tài	Nam	02-05-2004	22CBC2	3.30	133	Giỏi	
688	Ngô Thị Phương Thịnh	Nữ	04-11-2004	22CBC2	3.35	131	Giỏi	
689	Ngô Thị Thương	Nữ	10-08-2004	22CBC2	3.42	131	Giỏi	
690	Đinh Thị Thu Thủy	Nữ	10-11-2004	22CBC2	3.56	131	Giỏi	
691	Phạm Thị Thanh Thủy	Nữ	02-01-2004	22CBC2	3.40	131	Giỏi	
692	Lê Thị Trang	Nữ	17-11-2004	22CBC2	3.48	131	Giỏi	
693	Ngô Thị Lệ Trinh	Nữ	10-10-2004	22CBC2	3.44	131	Giỏi	
694	Trình Thị Hà Vi	Nữ	17-10-2004	22CBC2	3.21	133	Giỏi	
695	Nguyễn Tiêu Đông Vũ	Nữ	18-11-2004	22CBC2	3.38	133	Giỏi	
696	Hồ Nguyễn Hải Yến	Nữ	19-02-2004	22CBC2	3.26	131	Giỏi	
697	Phạm Thị Hải Yến	Nữ	26-09-2004	22CBC2	3.76	131	Xuất sắc	
698	Nguyễn Đoàn Gia Hân	Nữ	17-05-2004	22CBCC	3.71	131	Xuất sắc	
699	Lê Viết Khang	Nam	18-01-2004	22CBCC	3.76	131	Xuất sắc	
700	Nguyễn Huỳnh Ngọc Thảo	Nữ	19-03-2004	22CBCC	3.64	131	Xuất sắc	
701	Trần Thị Anh	Nữ	04-01-2004	22SLS	3.39	136	Giỏi	
702	Nguyễn Trần Hữu Bình	Nam	07-01-2004	22SLS	3.74	136	Xuất sắc	
703	Trịnh Thanh Bình	Nam	04-04-2004	22SLS	3.51	134	Giỏi	
704	Nguyễn Cảnh Đức	Nam	07-09-2004	22SLS	3.68	134	Xuất sắc	
705	Hoàng Thùy Dung	Nữ	25-05-2004	22SLS	3.44	134	Giỏi	
706	Trương Thị Mỹ Duyên	Nữ	08-01-2004	22SLS	3.42	134	Giỏi	
707	Đoàn Nguyễn Trà Giang	Nữ	18-08-2004	22SLS	3.62	138	Xuất sắc	
708	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	13-07-2004	22SLS	3.43	134	Giỏi	
709	Nguyễn Văn Quang Hào	Nam	16-09-2004	22SLS	3.40	136	Giỏi	
710	Tạ Văn Hào	Nam	23-10-2003	22SLS	3.61	134	Xuất sắc	
711	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	04-10-2004	22SLS	3.47	138	Giỏi	
712	Tăng Thị Hồng	Nữ	24-04-2004	22SLS	3.28	138	Giỏi	
713	Phạm Khánh Hương	Nữ	01-12-2004	22SLS	3.72	134	Xuất sắc	
714	Trần Thị Phương Huyền	Nữ	05-06-2004	22SLS	3.21	134	Giỏi	
715	Lê Thị Ly	Nữ	21-04-2004	22SLS	3.49	136	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
716	Trần Thị Hoài Ly	Nữ	28-08-2004	22SLS	3.73	134	Xuất sắc	
717	Võ Tuyết Mỹ	Nữ	29-02-2004	22SLS	3.49	134	Giỏi	
718	Phạm Thị Thu Ngân	Nữ	19-04-2004	22SLS	3.26	138	Giỏi	
719	Trần Lê Nhân	Nam	01-07-2004	22SLS	3.60	134	Xuất sắc	
720	Nguyễn Ngọc Nhi	Nữ	26-11-2004	22SLS	3.54	136	Giỏi	
721	Văn Yến Nhi	Nữ	05-04-2004	22SLS	3.47	132	Giỏi	
722	Hà Trang Nhung	Nữ	08-07-2004	22SLS	3.15	138	Khá	
723	H Yuil Niê	Nữ	10-01-2004	22SLS	3.32	136	Giỏi	
724	Nguyễn Hữu Phước	Nam	23-06-2004	22SLS	3.62	134	Xuất sắc	
725	Trần Thị Anh Phương	Nữ	07-08-2002	22SLS	3.38	136	Giỏi	
726	Võ Đăng Quang	Nam	28-12-2004	22SLS	3.44	134	Giỏi	
727	Nguyễn Phan Hương Quỳnh	Nữ	13-01-2004	22SLS	3.49	138	Giỏi	
728	Nguyễn Quang Sang	Nam	17-04-2004	22SLS	3.38	132	Giỏi	
729	Poloong Thị Say	Nữ	15-11-2004	22SLS	3.49	136	Giỏi	
730	Bríu Thị Sứu	Nữ	27-09-2004	22SLS	3.37	136	Giỏi	
731	Võ Tịnh Tâm	Nữ	24-01-2004	22SLS	3.56	136	Giỏi	
732	Lê Thị Thảo	Nữ	15-01-2003	22SLS	3.84	134	Xuất sắc	
733	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	01-11-2001	22SLS	3.69	134	Xuất sắc	
734	Alăng Thị Thôi	Nữ	12-10-2004	22SLS	3.43	136	Giỏi	
735	Phạm Thị Kiều Thương	Nữ	02-08-2004	22SLS	3.54	132	Giỏi	
736	Thái Đặng Hoài Thương	Nữ	20-11-2004	22SLS	2.84	136	Khá	
737	Nguyễn Thị Phương Thủy	Nữ	20-05-2004	22SLS	3.07	134	Khá	
738	Trần Huyền Trân	Nữ	06-05-2004	22SLS	3.52	134	Giỏi	
739	Nguyễn Thị Phương Trang	Nữ	02-04-2003	22SLS	3.44	134	Giỏi	
740	Đinh Thị Thúy Vân	Nữ	18-10-2004	22SLS	3.48	136	Giỏi	
741	Lê Trần Thảo Vân	Nữ	17-08-2004	22SLS	3.60	134	Xuất sắc	
742	Dương Bùi Vinh	Nam	25-11-2004	22SLS	3.72	134	Xuất sắc	
743	Đinh Thị Như Ý	Nữ	07-09-2004	22SLS	3.47	136	Giỏi	
744	Trần Thị Bình	Nữ	04-02-2004	22CLS	3.44	137	Giỏi	
745	Lê Thị Thương Hoài	Nữ	21-02-2004	22CLS	3.18	133	Khá	
746	Nguyễn Quốc Hưng	Nam	26-06-2004	22CLS	2.68	136	Khá	
747	Lê Khánh Huyền	Nữ	25-04-2004	22CLS	3.25	133	Giỏi	
748	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	25-07-2004	22CLS	3.30	136	Giỏi	
749	Phan Văn Bảo Khánh	Nam	04-06-2004	22CLS	3.39	132	Giỏi	
750	Trần Thị Mỹ	Nữ	15-01-2004	22CLS	3.07	135	Khá	
751	Trần Ngô Trường Phúc	Nam	25-12-2004	22CLS	3.66	136	Xuất sắc	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
752	Phan Cẩm	Chi	Nữ	29-02-2004	22CVNH1	3.28	131	Giỏi	
753	Lê Thị Mỹ	Diệu	Nữ	18-08-2004	22CVNH1	3.07	131	Khá	
754	Đoàn Minh	Đức	Nam	09-02-2004	22CVNH1	3.43	130	Giỏi	
755	Nguyễn Thị Trà	Giang	Nữ	10-11-2004	22CVNH1	3.44	131	Giỏi	
756	Võ Phạm Hà	Giang	Nữ	29-01-2004	22CVNH1	3.51	130	Giỏi	
757	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	12-11-2004	22CVNH1	3.57	131	Giỏi	
758	Nguyễn Ngọc Vũ	Hưng	Nam	07-10-2004	22CVNH1	2.93	130	Khá	
759	Phạm Nguyên Quỳnh	Hương	Nữ	06-09-2004	22CVNH1	3.67	131	Xuất sắc	
760	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	05-09-2004	22CVNH1	3.60	131	Xuất sắc	
761	Huỳnh Tấn	Kiên	Nam	21-01-2004	22CVNH1	3.21	130	Giỏi	
762	Nguyễn Thái Minh	La	Nam	09-07-2004	22CVNH1	3.43	130	Giỏi	
763	Trương Đặng Thanh	Lân	Nam	29-07-2004	22CVNH1	3.11	131	Khá	
764	Nguyễn Đỗ Thùy	Linh	Nữ	09-06-2004	22CVNH1	3.47	133	Giỏi	
765	Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	26-07-2004	22CVNH1	2.90	130	Khá	
766	Lê Thị Mỹ	Luyện	Nữ	17-03-2004	22CVNH1	3.42	130	Giỏi	
767	Nguyễn Trúc	Ly	Nữ	06-06-2004	22CVNH1	3.41	130	Giỏi	
768	Nguyễn Thị Hoài	Minh	Nữ	21-03-2004	22CVNH1	3.77	131	Xuất sắc	
769	Nguyễn Phạm Khánh	My	Nữ	04-03-2004	22CVNH1	3.57	130	Giỏi	
770	Trần Ly	Na	Nữ	18-02-2004	22CVNH1	3.34	133	Giỏi	
771	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	05-05-2004	22CVNH1	3.86	131	Xuất sắc	
772	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	24-03-2004	22CVNH1	2.97	131	Khá	
773	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	26-03-2004	22CVNH1	3.17	130	Khá	
774	Lê Thị Quỳnh	Như	Nữ	03-04-2004	22CVNH1	3.40	131	Giỏi	
775	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	03-12-2004	22CVNH1	3.33	130	Giỏi	
776	Trần Nguyễn Uyên	Phương	Nữ	15-05-2004	22CVNH1	3.76	131	Xuất sắc	
777	Bùi Như	Quỳnh	Nữ	09-12-2003	22CVNH1	2.94	131	Khá	
778	Huỳnh Khánh	Tâm	Nữ	10-10-2004	22CVNH1	3.91	130	Xuất sắc	
779	Đỗ Thị Thanh	Thảo	Nữ	17-05-2004	22CVNH1	3.40	131	Giỏi	
780	Hà Thị Thanh	Thảo	Nữ	01-06-2004	22CVNH1	3.59	130	Giỏi	
781	Nguyễn Anh	Thị	Nữ	26-04-2004	22CVNH1	3.46	131	Giỏi	
782	Trương Thị Kim	Thoa	Nữ	13-04-2004	22CVNH1	3.77	131	Xuất sắc	
783	Dương Phạm Minh	Thư	Nữ	02-10-2004	22CVNH1	3.14	130	Khá	
784	Trương Minh	Thư	Nữ	06-06-2004	22CVNH1	3.21	131	Giỏi	
785	Hà Thị Hoài	Thương	Nữ	12-01-2004	22CVNH1	3.03	131	Khá	
786	Lê Thị Cẩm	Tiên	Nữ	10-08-2004	22CVNH1	2.85	133	Khá	
787	Nguyễn Thị Chung	Tiến	Nữ	02-11-2004	22CVNH1	3.29	131	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
788	Lê Công	Tiến	Nam	06-11-2004	22CVNH1	2.88	131	Khá	
789	Trần Võ Quỳnh	Trâm	Nữ	21-09-2004	22CVNH1	3.22	132	Giỏi	
790	Nguyễn Thị Đoan	Trang	Nữ	12-03-2004	22CVNH1	3.68	133	Xuất sắc	
791	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	28-10-2004	22CVNH1	3.15	131	Khá	
792	Trần Thùy Nhã	Uyên	Nữ	26-10-2004	22CVNH1	3.15	131	Khá	
793	Lê Lâm	Vi	Nữ	09-06-2004	22CVNH1	3.57	131	Giỏi	
794	Phan Thị Tường	Vi	Nữ	06-06-2004	22CVNH1	2.75	131	Khá	
795	Võ Thị Huyền	Anh	Nữ	01-08-2004	22CVNH2	3.27	132	Giỏi	
796	Phạm Thị Thanh	Bình	Nữ	04-01-2004	22CVNH2	3.49	131	Giỏi	
797	Phan Thanh	Đà	Nam	19-09-2004	22CVNH2	3.44	133	Giỏi	
798	Nguyễn Thùy Uyên	Đan	Nữ	01-09-2004	22CVNH2	3.43	131	Giỏi	
799	Trần Thị Hoàng	Dung	Nữ	28-01-2004	22CVNH2	3.23	131	Giỏi	
800	Trần Thị Thùy	Dung	Nữ	30-08-2004	22CVNH2	3.62	131	Xuất sắc	
801	Nguyễn Hồng	Hân	Nữ	26-03-2004	22CVNH2	3.78	131	Xuất sắc	
802	Võ Tấn	Hùng	Nam	16-01-2004	22CVNH2	3.10	131	Khá	
803	Lê Đức	Huy	Nam	26-08-2004	22CVNH2	3.26	131	Giỏi	
804	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	02-08-2004	22CVNH2	3.34	131	Giỏi	
805	Lê Hồng	Lâm	Nữ	13-11-2004	22CVNH2	3.41	131	Giỏi	
806	Nguyễn Thị Ngọc	Lên	Nữ	15-07-2004	22CVNH2	3.70	131	Xuất sắc	
807	Phan Nguyễn Hoài	Linh	Nam	27-07-2004	22CVNH2	3.62	131	Xuất sắc	
808	Trương Thị	Linh	Nữ	13-04-2004	22CVNH2	3.69	131	Xuất sắc	
809	Nguyễn Lê Quỳnh	Ly	Nữ	13-08-2003	22CVNH2	3.14	131	Khá	
810	Nguyễn Thị Kim	Ly	Nữ	21-09-2004	22CVNH2	3.65	131	Xuất sắc	
811	Lê Võ Hoàng	Mi	Nữ	16-08-2004	22CVNH2	3.31	131	Giỏi	
812	Trần Kim	Ngân	Nữ	06-04-2004	22CVNH2	3.10	131	Khá	
813	Huỳnh Bá Diệu	Ngọc	Nữ	29-06-2004	22CVNH2	3.44	133	Giỏi	
814	Trương Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	23-09-2004	22CVNH2	3.71	131	Xuất sắc	
815	Nguyễn Trần Yến	Nhi	Nữ	05-11-2004	22CVNH2	3.35	130	Giỏi	
816	Phạm Uyên	Nhi	Nữ	22-01-2004	22CVNH2	2.83	131	Khá	
817	Nguyễn Thị Yến	Như	Nữ	05-04-2004	22CVNH2	3.59	131	Giỏi	
818	Nguyễn Thái Tâm	Như	Nữ	16-10-2004	22CVNH2	3.52	131	Giỏi	
819	Hoàng Thị Thanh	Nhung	Nữ	23-02-2004	22CVNH2	3.33	130	Giỏi	
820	Lê Tuyết	Nhung	Nữ	10-11-2004	22CVNH2	3.16	133	Khá	
821	Trần Phước	Nin	Nam	12-07-2004	22CVNH2	3.18	133	Khá	
822	Tổng Thị Mỹ	Oanh	Nữ	10-07-2004	22CVNH2	3.20	132	Giỏi	
823	Trần Thị Kim	Oanh	Nữ	03-09-2004	22CVNH2	3.33	131	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
824	Võ Văn	Phi	Nam	31-07-2004	22CVNH2	3.31	133	Giỏi	
825	Ngô Văn	Quốc	Nam	14-03-2004	22CVNH2	3.43	131	Giỏi	
826	Nguyễn Thị Khánh	Quỳnh	Nữ	24-04-2004	22CVNH2	3.23	133	Giỏi	
827	Hồ Lê Thanh	Tâm	Nữ	31-05-2004	22CVNH2	3.15	133	Khá	
828	Trần Nguyễn Uyên	Thi	Nữ	02-09-2004	22CVNH2	3.63	130	Xuất sắc	
829	Nguyễn Xuân	Thịnh	Nam	03-10-2004	22CVNH2	3.16	133	Khá	
830	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	17-02-2004	22CVNH2	3.42	131	Giỏi	
831	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	23-11-2004	22CVNH2	3.66	131	Xuất sắc	
832	Huỳnh Thị Thu	Thương	Nữ	03-07-2004	22CVNH2	3.76	131	Xuất sắc	
833	Nguyễn Thị	Thuỳ	Nữ	08-01-2004	22CVNH2	3.53	130	Giỏi	
834	Nguyễn Thị Minh	Thúy	Nữ	10-12-2004	22CVNH2	3.26	131	Giỏi	
835	Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	02-03-2004	22CVNH2	3.37	132	Giỏi	
836	Phạm Văn	Tiến	Nam	13-08-2004	22CVNH2	3.11	131	Khá	
837	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	12-11-2004	22CVNH2	3.76	131	Xuất sắc	
838	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	20-08-2004	22CVNH2	3.29	131	Giỏi	
839	Nguyễn Thị	Tuyền	Nữ	28-06-2004	22CVNH2	3.70	131	Xuất sắc	
840	Đỗ Lê Kim	Uyên	Nữ	27-07-2004	22CVNH2	3.39	131	Giỏi	
841	Nguyễn Từ Phương	Uyên	Nữ	19-07-2004	22CVNH2	3.27	131	Giỏi	
842	Dương Thị Cẩm	Vy	Nữ	17-09-2004	22CVNH2	3.61	131	Xuất sắc	
843	Đào Thị Ngọc	Vy	Nữ	23-01-2004	22CVNH2	3.37	133	Giỏi	
844	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	24-04-2004	22CVNH2	3.54	131	Giỏi	
845	Huỳnh Thị	Ái	Nữ	16-11-2004	22SLD1	3.50	134	Giỏi	
846	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	03-08-2004	22SLD1	3.38	134	Giỏi	
847	Lê Thị Linh	Chi	Nữ	25-09-2004	22SLD1	3.03	132	Khá	
848	Đặng Tấn	Đạt	Nam	27-09-2004	22SLD1	2.83	132	Khá	
849	Y	Hân	Nữ	15-03-2004	22SLD1	3.02	134	Khá	
850	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	06-10-2004	22SLD1	3.55	132	Giỏi	
851	Trương Mỹ	Hoa	Nữ	31-10-2003	22SLD1	3.45	132	Giỏi	
852	Lê Thị Phương	Khanh	Nữ	07-11-2004	22SLD1	3.32	132	Giỏi	
853	Huỳnh Trúc	Liên	Nữ	21-07-2004	22SLD1	3.06	136	Khá	
854	Lương Khánh	Linh	Nữ	29-10-2004	22SLD1	3.15	136	Khá	
855	Nguyễn Lê Thùy	Linh	Nữ	29-10-2004	22SLD1	3.08	136	Khá	
856	Lê Bảo Ánh	Minh	Nữ	12-04-2004	22SLD1	3.04	132	Khá	
857	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	30-03-2004	22SLD1	3.00	132	Khá	
858	Phạm Thị	Phùng	Nữ	27-04-2004	22SLD1	3.25	134	Giỏi	
859	Trần Hoàng Ngọc	Phượng	Nữ	12-05-2004	22SLD1	3.35	132	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
860	Trần Thục Quyên	Nữ	22-08-2004	22SLD1	3.47	132	Giỏi	
861	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	Nữ	12-06-2004	22SLD1	3.26	132	Giỏi	
862	Lê Thị Anh Sang	Nữ	14-09-2004	22SLD1	3.34	132	Giỏi	
863	Đinh Thị Sen	Nữ	29-04-2004	22SLD1	3.24	134	Giỏi	
864	Nguyễn Cao Vi Thảo	Nữ	17-08-2004	22SLD1	3.24	132	Giỏi	
865	Trần Phương Thảo	Nữ	29-05-2004	22SLD1	3.32	132	Giỏi	
866	Nguyễn Thị Kim Thư	Nữ	09-08-2004	22SLD1	3.36	136	Giỏi	
867	Huỳnh Thị Mẫn Tiên	Nữ	10-05-2004	22SLD1	3.52	132	Giỏi	
868	Nguyễn Huỳnh Bích Trang	Nữ	22-10-2004	22SLD1	3.64	132	Xuất sắc	
869	Phạm Vũ Thị Kiều Trinh	Nữ	04-01-2004	22SLD1	3.11	132	Khá	
870	Trương Phương Trinh	Nữ	12-12-2004	22SLD1	2.91	132	Khá	
871	Trương Thảo Vân	Nữ	09-08-2004	22SLD1	3.20	132	Giỏi	
872	Vương Lê Viễn	Nữ	11-08-2004	22SLD1	3.09	132	Khá	
873	Đặng Thúy Vy	Nữ	30-11-2004	22SLD1	3.18	136	Khá	
874	Nguyễn Thùy Thanh Vy	Nữ	10-01-2004	22SLD1	3.21	134	Giỏi	
875	Lê Thị Xuyên	Nữ	14-08-2004	22SLD1	3.05	136	Khá	
876	Lê Thị Vân Anh	Nữ	19-12-2003	22SLD2	3.19	132	Khá	
877	Lê Hoài Đông	Nam	05-11-2004	22SLD2	2.99	136	Khá	
878	Nguyễn Thị Phương Dung	Nữ	18-10-2004	22SLD2	3.09	134	Khá	
879	Võ Thị Khánh Dung	Nữ	14-06-2004	22SLD2	3.03	134	Khá	
880	Huỳnh Thị Kim Ớn	Nữ	01-06-2004	22SLD2	3.29	133	Giỏi	
881	Tương Thị Ngọc Hân	Nữ	28-07-2004	22SLD2	3.62	132	Xuất sắc	
882	Dương Thúy Hằng	Nữ	20-10-2004	22SLD2	3.18	134	Khá	
883	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Nữ	17-04-2004	22SLD2	3.15	132	Khá	
884	Nguyễn Ngọc Hương	Nữ	10-03-2004	22SLD2	3.36	133	Giỏi	
885	Nguyễn Thị Hường	Nữ	20-02-2004	22SLD2	3.33	132	Giỏi	
886	Alăng Thị Khuyên	Nữ	31-01-2004	22SLD2	3.19	134	Khá	
887	Lê Trần Ánh Linh	Nữ	05-03-2004	22SLD2	3.13	132	Khá	
888	Nguyễn Thị Hà Linh	Nữ	21-10-2004	22SLD2	3.41	132	Giỏi	
889	Dương Thị Kim Loan	Nữ	27-04-2004	22SLD2	3.60	134	Xuất sắc	
890	Phạm Quý Lộc	Nữ	30-06-2004	22SLD2	3.18	132	Khá	
891	Trần Thị Lộc	Nữ	26-03-2004	22SLD2	3.33	132	Giỏi	
892	Hoàng Công Lý	Nam	10-11-2002	22SLD2	3.15	130	Khá	
893	Arát Mai	Nữ	10-10-2004	22SLD2	3.21	133	Giỏi	
894	Phạm Viết Văn Minh	Nam	02-10-2004	22SLD2	3.77	132	Xuất sắc	
895	Đặng Thị Trà My	Nữ	12-05-2004	22SLD2	3.12	133	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
896	A Lăng Thị Ngân	Nữ	06-05-2004	22SLD2	3.44	136	Giỏi	
897	Huỳnh Thị Như Ngọc	Nữ	20-01-2004	22SLD2	3.36	132	Giỏi	
898	Lê Thị Bích Ngọc	Nữ	12-09-2004	22SLD2	2.91	136	Khá	
899	Mai Nguyễn Hoài Ngọc	Nữ	16-11-2004	22SLD2	3.05	134	Khá	
900	Hồ Phương Nhi	Nữ	22-06-2004	22SLD2	3.18	134	Khá	
901	Bùi Kim Oanh	Nữ	25-08-2004	22SLD2	2.98	136	Khá	
902	Đỗ Thị Đoan Phương	Nữ	20-07-2004	22SLD2	3.48	140	Giỏi	
903	Đoàn Thị Bích Phượng	Nữ	19-01-2004	22SLD2	3.22	132	Giỏi	
904	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	06-02-2004	22SLD2	3.70	134	Xuất sắc	
905	Hà Thị Lệ Thảo	Nữ	31-07-2004	22SLD2	3.13	136	Khá	
906	Phan Trần Vi Thảo	Nữ	23-10-2004	22SLD2	3.11	132	Khá	
907	Huỳnh Thị Cẩm Thi	Nữ	20-03-2004	22SLD2	3.39	131	Giỏi	
908	Huỳnh Thị Anh Thư	Nữ	20-03-2004	22SLD2	3.37	134	Giỏi	
909	Đỗ Thị Quỳnh Trâm	Nữ	14-10-2004	22SLD2	2.81	140	Khá	
910	Lê Thị Huyền Trang	Nữ	11-04-2004	22SLD2	3.05	132	Khá	
911	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	12-04-2004	22SLD2	2.97	133	Khá	
912	Lê Khánh Tuyên	Nữ	02-02-2004	22SLD2	3.14	134	Khá	
913	Đoàn Thị Ngọc Uyên	Nữ	20-01-2004	22SLD2	3.35	133	Giỏi	
914	Nguyễn Thị Ngọc Vân	Nữ	14-01-2004	22SLD2	3.10	134	Khá	
915	Biện Thị Hà Vy	Nữ	08-07-2004	22SLD2	2.89	132	Khá	
916	Lê Hải Vy	Nữ	09-06-2004	22SLD2	3.57	134	Giỏi	
917	Lê Thảo Vy	Nữ	17-01-2004	22SLD2	2.91	134	Khá	
918	Bùi Lan Anh	Nữ	11-04-2004	22SDL	3.06	136	Khá	
919	Lê Ngọc Ánh	Nữ	02-08-2004	22SDL	3.50	130	Giỏi	
920	Nguyễn Thị Hồ Bình	Nữ	01-10-2004	22SDL	3.01	130	Khá	
921	Đinh Hy Một Đôi	Nữ	08-07-2004	22SDL	3.15	134	Khá	
922	Đinh Văn Duy	Nam	07-12-2004	22SDL	2.80	132	Khá	
923	Bùi Thị Duyên	Nữ	12-07-2004	22SDL	3.28	132	Giỏi	
924	Phan Thùy Duyên	Nữ	12-10-2004	22SDL	3.28	134	Giỏi	
925	Vũ Văn Hạnh	Nam	25-10-2004	22SDL	3.19	136	Khá	
926	Nguyễn Thị Hậu	Nữ	15-01-2004	22SDL	3.00	130	Khá	
927	Lê Thu Hiền	Nữ	26-09-2004	22SDL	3.17	134	Khá	
928	Nguyễn Minh Huy	Nam	01-08-2004	22SDL	3.63	134	Xuất sắc	
929	Nguyễn Văn Huy	Nam	29-10-2002	22SDL	3.13	134	Khá	
930	Hoàng Thị Huyền	Nữ	25-11-2004	22SDL	3.33	136	Giỏi	
931	Trần Thị Huyền	Nữ	10-10-2003	22SDL	3.27	134	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
932	Hà Thị Tú	Linh	Nữ	06-05-2004	22SDL	3.34	134	Giỏi	
933	Vương Thái	Luân	Nam	10-01-2004	22SDL	3.24	136	Giỏi	
934	Trương Công	Minh	Nam	05-09-2002	22SDL	3.28	134	Giỏi	
935	Trần Thị Kim	Ngọc	Nữ	26-09-2004	22SDL	3.34	136	Giỏi	
936	Trần Thị	Ngọc	Nữ	16-07-2004	22SDL	3.42	132	Giỏi	
937	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	30-08-2004	22SDL	3.33	136	Giỏi	
938	Huỳnh Yến	Nhi	Nữ	22-09-2004	22SDL	3.45	134	Giỏi	
939	Nguyễn Đức Hoàng	Nhi	Nữ	03-12-2004	22SDL	3.26	134	Giỏi	
940	Rơ Châm	Phúc	Nữ	27-11-2004	22SDL	3.04	132	Khá	
941	Đỗ Ngọc	Phụng	Nữ	03-11-2004	22SDL	3.01	132	Khá	
942	Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	12-08-2004	22SDL	3.25	132	Giỏi	
943	Đặng Thị Thanh	Thảo	Nữ	04-12-2004	22SDL	3.40	132	Giỏi	
944	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	04-02-2004	22SDL	3.07	136	Khá	
945	Trần Phạm Thanh	Thảo	Nữ	22-05-2004	22SDL	3.27	134	Giỏi	
946	Trần Phương	Thảo	Nữ	20-07-2004	22SDL	3.16	134	Khá	
947	Hà Văn	Thịnh	Nam	28-02-2004	22SDL	2.94	134	Khá	
948	Đinh Thị Hoài	Thu	Nữ	15-04-2003	22SDL	3.55	132	Giỏi	
949	Phan Huỳnh Khánh	Thương	Nữ	30-09-2004	22SDL	3.67	132	Xuất sắc	
950	Trần Thị	Thùy	Nữ	02-03-2004	22SDL	3.26	134	Giỏi	
951	Phan Thị Ngọc	Thy	Nữ	06-03-2004	22SDL	3.43	130	Giỏi	
952	Lê Thị Bích	Trâm	Nữ	09-08-2004	22SDL	3.43	130	Giỏi	
953	Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	15-04-2003	22SDL	3.60	136	Xuất sắc	
954	Phạm Xuân	Trường	Nam	18-06-2004	22SDL	2.99	136	Khá	
955	Trần Thị	Vinh	Nữ	29-01-2004	22SDL	3.33	130	Giỏi	
956	Nguyễn Phước	Vĩnh	Nam	04-07-2004	22SDL	3.29	132	Giỏi	
957	Hồ Thị Tường	Vy	Nữ	25-06-2004	22SDL	3.27	130	Giỏi	
958	Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	25-04-2004	22CDDL	3.14	131	Khá	
959	Dương Đình	Cần	Nam	11-03-2004	22CDDL	3.54	130	Giỏi	
960	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	20-07-2004	22CDDL	3.06	130	Khá	
961	Trương Minh	Hạnh	Nữ	29-09-2003	22CDDL	3.03	131	Khá	
962	Trương Hùng	Hậu	Nam	23-06-2004	22CDDL	3.23	130	Giỏi	
963	Hồ Thị Thanh	Hiền	Nữ	28-10-2004	22CDDL	3.15	130	Khá	
964	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	09-05-2004	22CDDL	3.48	131	Giỏi	
965	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	Nữ	29-05-2004	22CDDL	3.48	130	Giỏi	
966	Đặng Kiều Ngọc	Linh	Nữ	04-07-2004	22CDDL	3.16	130	Khá	
967	Trần Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	03-07-2004	22CDDL	3.37	132	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
968	Võ Thùy Loan	Nữ	01-07-2004	22CDDL	3.06	131	Khá	
969	Võ Thị Khánh Ly	Nữ	19-06-2004	22CDDL	3.21	131	Giỏi	
970	Phạm Thị Huyền My	Nữ	24-05-2004	22CDDL	3.05	131	Khá	
971	Ngô Thị Thúy Nga	Nữ	20-10-2004	22CDDL	3.27	130	Giỏi	
972	Nguyễn Thị Bích Nga	Nữ	16-05-2004	22CDDL	3.14	130	Khá	
973	Nguyễn Ngọc Thu Ngân	Nữ	09-10-2003	22CDDL	3.15	133	Khá	
974	Nguyễn Thị Mi Ngân	Nữ	05-07-2004	22CDDL	3.23	130	Giỏi	
975	Hoàng Thị Bích Ngọc	Nữ	11-12-2004	22CDDL	3.64	130	Xuất sắc	
976	Vũ Thị Ngọc	Nữ	20-11-2004	22CDDL	2.85	130	Khá	
977	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	16-07-2004	22CDDL	3.02	133	Khá	
978	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	Nữ	17-08-2004	22CDDL	3.03	131	Khá	
979	Phan Thị Kim Oanh	Nữ	18-09-2004	22CDDL	3.83	133	Xuất sắc	
980	Phạm Thị Kiều Oanh	Nữ	02-12-2004	22CDDL	3.23	130	Giỏi	
981	Lê Văn Phong	Nam	12-07-2004	22CDDL	3.06	133	Khá	
982	Lê Thị Bích Phương	Nữ	24-08-2004	22CDDL	2.92	131	Khá	
983	Phan Ngọc Phương	Nam	08-05-2004	22CDDL	2.91	133	Khá	
984	Đặng Như Quân	Nam	04-11-2004	22CDDL	3.27	132	Giỏi	
985	Lương Lê Mỹ Tâm	Nữ	04-06-2004	22CDDL	2.94	130	Khá	
986	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	04-05-2004	22CDDL	3.10	130	Khá	
987	Zơ Râm Thị Thu Thảo	Nữ	29-09-2003	22CDDL	3.24	130	Khá (Hạ bậc)	
988	Lê Thị Thúy	Nữ	24-03-2003	22CDDL	3.79	131	Xuất sắc	
989	Lê Nguyễn Ngọc Trân	Nữ	05-10-2004	22CDDL	3.11	131	Khá	
990	Huỳnh Thị Đoan Trang	Nữ	12-06-2004	22CDDL	3.30	130	Giỏi	
991	Phan Võ Ngọc Trinh	Nữ	24-03-2004	22CDDL	3.00	131	Khá	
992	Trần Nguyên Anh Vũ	Nam	10-12-2003	22CDDL	3.22	130	Giỏi	
993	Mai Yến Vy	Nữ	19-09-2004	22CDDL	2.95	131	Khá	
994	Trần Hoàng Vy	Nữ	14-04-2004	22CDDL	3.15	130	Khá	
995	Trương Thảo Vy	Nữ	14-03-2004	22CDDL	3.15	130	Khá	
996	Lê Huỳnh Thị Mỹ Duyên	Nữ	31-01-2004	22SGC	3.48	133	Giỏi	
997	Nguyễn Thị Lệ Hà	Nữ	12-09-2004	22SGC	3.20	133	Giỏi	
998	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	16-01-2004	22SGC	3.56	133	Giỏi	
999	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nữ	15-08-2004	22SGC	3.47	133	Giỏi	
1000	Nguyễn Hoi	Nam	01-07-1995	22SGC	3.12	133	Khá	
1001	Võ Thị Như Hương	Nữ	05-04-2004	22SGC	3.33	133	Giỏi	
1002	Ríah Khôi	Nam	03-03-2004	22SGC	3.00	133	Khá	
1003	Y Tuyết Ly	Nữ	10-12-2004	22SGC	3.23	133	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1004	Hồ Thị Xuân Mai	Nữ	31-08-2004	22SGC	3.32	133	Giỏi	
1005	Trần Hoàng Diễm My	Nữ	23-07-2004	22SGC	3.41	133	Giỏi	
1006	Avô Thị Aly Na	Nữ	21-06-2004	22SGC	3.00	133	Khá	
1007	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	Nữ	06-01-2004	22SGC	3.32	133	Giỏi	
1008	Huỳnh Nguyễn Yến Nhi	Nữ	22-10-2004	22SGC	3.38	133	Giỏi	
1009	Trần Hà Phương Oanh	Nữ	27-12-2004	22SGC	3.35	133	Giỏi	
1010	Un Thị Phước	Nữ	02-02-2004	22SGC	3.18	133	Khá	
1011	Lê Thanh Mai Phương	Nữ	19-12-2004	22SGC	3.57	133	Giỏi	
1012	Đặng Thị Mỹ Phụng	Nữ	17-02-2004	22SGC	3.54	133	Giỏi	
1013	Nguyễn Võ Thanh Tâm	Nữ	30-05-2004	22SGC	3.40	133	Giỏi	
1014	Lê Thị Bé Thảo	Nữ	01-03-2004	22SGC	3.39	133	Giỏi	
1015	Nguyễn Hoàng Anh Thư	Nữ	28-02-2004	22SGC	3.21	133	Giỏi	
1016	Võ Hoài Anh Thư	Nữ	13-08-2004	22SGC	3.03	133	Khá	
1017	Nguyễn Anh Tú	Nam	15-08-2004	22SGC	3.27	133	Giỏi	
1018	Lê Thanh Tuyền	Nữ	21-04-2004	22SGC	3.24	133	Giỏi	
1019	Nguyễn Thị Thùy An	Nữ	25-10-2004	22SCD	3.38	130	Giỏi	
1020	Mai Thị Ngọc Bích	Nữ	21-01-2004	22SCD	3.86	132	Xuất sắc	
1021	Dương Ngọc Chi	Nữ	31-07-2004	22SCD	2.83	134	Khá	
1022	Lê Hiếu Đan	Nữ	30-03-2004	22SCD	3.72	130	Xuất sắc	
1023	Trần Thị Thanh Hiện	Nữ	13-06-2004	22SCD	3.31	130	Giỏi	
1024	Nguyễn Trần Thúy Hương	Nữ	24-03-2004	22SCD	3.37	132	Giỏi	
1025	Đặng Trần Gia Ly	Nữ	19-08-2004	22SCD	3.59	132	Giỏi	
1026	Nguyễn Hữu Minh	Nam	20-03-2004	22SCD	3.52	132	Giỏi	
1027	Trần Trà My	Nữ	11-01-2004	22SCD	3.24	131	Giỏi	
1028	Nguyễn Thị Lê Na	Nữ	05-07-2004	22SCD	3.51	130	Giỏi	
1029	Ngô Thị Thiên Nga	Nữ	14-08-2004	22SCD	3.33	130	Giỏi	
1030	Lê Kim Ngân	Nữ	01-11-2004	22SCD	3.54	130	Giỏi	
1031	Đặng Cao Bảo Ngọc	Nữ	23-11-2004	22SCD	3.39	132	Giỏi	
1032	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Nữ	28-04-2004	22SCD	3.61	132	Xuất sắc	
1033	Trần Lê Minh Nguyệt	Nữ	18-03-2004	22SCD	3.57	130	Giỏi	
1034	Lương Thị Trà Ni	Nữ	14-02-2004	22SCD	3.51	130	Giỏi	
1035	Lê Diệu Quyên	Nữ	02-04-2004	22SCD	3.13	132	Khá	
1036	Dương Diễm Quỳnh	Nữ	20-04-2004	22SCD	3.66	132	Xuất sắc	
1037	Mai Thị Như Quỳnh	Nữ	01-01-2004	22SCD	3.43	131	Giỏi	
1038	Hà Thị Thanh Tâm	Nữ	10-02-2004	22SCD	3.40	132	Giỏi	
1039	Trần Quang Thắng	Nam	26-08-2004	22SCD	3.75	132	Xuất sắc	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1040	Trương Thị Anh	Thư	Nữ	28-05-2003	22SCD	3.10	131	Khá	
1041	Hồ Thị Bích	Trà	Nữ	04-10-2004	22SCD	3.06	131	Khá	
1042	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	15-02-2004	22SCD	3.47	130	Giỏi	
1043	Ngô Uyên	Trang	Nữ	31-07-2004	22SCD	3.64	133	Xuất sắc	
1044	Cao Nguyễn Tuyết	Trinh	Nữ	30-10-2004	22SCD	3.72	133	Xuất sắc	
1045	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	03-02-2004	22SCD	3.61	131	Xuất sắc	
1046	Nguyễn Thị Thuý	Vy	Nữ	08-10-2004	22SCD	3.26	130	Giỏi	
1047	Thái Thị Hải	Yến	Nữ	18-03-2004	22SCD	3.70	132	Xuất sắc	
1048	Nguyễn Hữu	Ân	Nam	29-09-2003	22CTL	3.50	134	Giỏi	
1049	Lê Mai Quang	Anh	Nam	24-05-2004	22CTL	3.53	136	Giỏi	
1050	Nguyễn Thị Phương	Ánh	Nữ	25-11-2002	22CTL	3.58	130	Giỏi	
1051	Nguyễn Kim	Chi	Nữ	17-11-2004	22CTL	3.31	130	Giỏi	
1052	Nguyễn Duy	Chiến	Nam	10-01-2003	22CTL	3.49	130	Giỏi	
1053	Đặng Thị Túy	Đào	Nữ	15-05-2004	22CTL	3.57	130	Giỏi	
1054	Phan Thị Ánh	Đào	Nữ	14-04-2004	22CTL	3.25	134	Giỏi	
1055	Nguyễn Thái	Duy	Nam	23-12-2004	22CTL	3.62	130	Xuất sắc	
1056	Trần Thị Mỹ	Duyên	Nữ	22-10-2004	22CTL	3.36	132	Giỏi	
1057	Trần Thị	Hải	Nữ	21-03-2004	22CTL	3.35	130	Giỏi	
1058	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	30-03-2004	22CTL	3.74	130	Xuất sắc	
1059	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	19-05-2004	22CTL	3.37	134	Giỏi	
1060	Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	05-10-2003	22CTL	3.85	132	Xuất sắc	
1061	Trần Thị Mỹ	Hiệp	Nữ	14-02-2004	22CTL	3.32	130	Giỏi	
1062	Nguyễn Phi	Hùng	Nam	08-03-2004	22CTL	3.40	134	Giỏi	
1063	Tạ Quang Minh	Hưng	Nam	02-03-2004	22CTL	3.34	134	Giỏi	
1064	Nguyễn Thị Dạ	Hương	Nữ	27-09-2004	22CTL	3.28	130	Giỏi	
1065	Cao Như	Huỳnh	Nữ	04-02-2004	22CTL	3.42	134	Giỏi	
1066	Huỳnh Phan Thảo	Linh	Nữ	11-04-2004	22CTL	3.22	132	Giỏi	
1067	Ngô Thảo	My	Nữ	21-10-2004	22CTL	3.24	132	Giỏi	
1068	Tô Trần Huyền	My	Nữ	13-07-2004	22CTL	3.03	134	Khá	
1069	Trần Thị Hà	My	Nữ	30-10-2004	22CTL	3.03	130	Khá	
1070	Lê Thị Tuyết	Nga	Nữ	04-01-2004	22CTL	3.27	130	Giỏi	
1071	Trần Thị Khánh	Ngọc	Nữ	12-01-2004	22CTL	3.47	130	Giỏi	
1072	Hồ Thu	Nguyệt	Nữ	08-02-2004	22CTL	3.26	132	Giỏi	
1073	Lê Đào Uyên	Nhi	Nữ	04-10-2004	22CTL	2.62	130	Khá	
1074	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	07-06-2004	22CTL	3.30	134	Giỏi	
1075	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	21-10-2004	22CTL	3.40	130	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1076	Lê Tâm	Như	Nữ	07-10-2004	22CTL	3.44	130	Giỏi	
1077	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	10-02-2004	22CTL	3.30	132	Giỏi	
1078	Đào Minh	Quân	Nam	07-02-2004	22CTL	3.25	134	Giỏi	
1079	Trần Minh	Tâm	Nữ	31-03-2004	22CTL	3.21	133	Giỏi	
1080	Nguyễn Kim	Thanh	Nữ	30-12-2004	22CTL	3.55	132	Giỏi	
1081	Trần Thị Thanh	Thảo	Nữ	29-07-2004	22CTL	3.32	130	Giỏi	
1082	Lê Thị Diễm	Thi	Nữ	15-12-2004	22CTL	3.40	132	Giỏi	
1083	Nguyễn Phương	Thi	Nữ	10-05-2004	22CTL	3.06	135	Khá	
1084	Đặng Ngọc Thiên	Thư	Nữ	12-10-2004	22CTL	3.68	130	Xuất sắc	
1085	Thái Phan Hồng	Thủy	Nữ	11-11-2004	22CTL	3.27	132	Giỏi	
1086	Trần Thị Nam	Tiên	Nữ	24-02-2004	22CTL	3.46	130	Giỏi	
1087	Võ Thị Quế	Trân	Nữ	02-10-2004	22CTL	3.26	132	Giỏi	
1088	Đậu Thị Huyền	Trang	Nữ	09-11-2004	22CTL	2.97	130	Khá	
1089	Nguyễn Thị	Trình	Nữ	01-06-2004	22CTL	3.23	132	Giỏi	
1090	Văn Thị Xuân	Trúc	Nữ	19-12-2004	22CTL	3.19	130	Khá	
1091	Trần Thị Bích	Vân	Nữ	02-07-2004	22CTL	3.21	136	Giỏi	
1092	Nguyễn Lê Phúc	An	Nam	12-05-2004	22CTXH	3.32	133	Giỏi	
1093	Trương Như	An	Nữ	13-05-2004	22CTXH	3.57	131	Giỏi	
1094	Hoàng Thái Mai	Bình	Nữ	02-07-2004	22CTXH	3.77	131	Xuất sắc	
1095	Tân Thị Mỹ	Châu	Nữ	14-08-2004	22CTXH	3.50	131	Giỏi	
1096	Lê Mỹ	Duyên	Nữ	06-06-2004	22CTXH	3.57	131	Giỏi	
1097	Trần Hương	Giang	Nữ	19-10-2004	22CTXH	3.59	131	Giỏi	
1098	Nguyễn Khánh	Hưng	Nam	30-01-2004	22CTXH	3.39	131	Giỏi	
1099	Nguyễn Ngọc	Huy	Nam	29-10-2000	22CTXH	3.90	131	Xuất sắc	
1100	Lê Trần Kim	Ngân	Nữ	01-02-2004	22CTXH	3.28	131	Giỏi	
1101	Lê Thị Thảo	Nguyên	Nữ	02-03-2004	22CTXH	3.23	131	Giỏi	
1102	Nguyễn Trần Trọng	Nhân	Nam	17-04-2004	22CTXH	3.36	133	Giỏi	
1103	Ngô Thị Lệ	Quyên	Nữ	05-08-2004	22CTXH	3.24	131	Giỏi	
1104	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	Nữ	02-01-2004	22CTXH	3.60	131	Xuất sắc	
1105	Lê Anh	Thư	Nữ	03-04-2004	22CTXH	3.05	131	Khá	
1106	Nguyễn Lê Phương	Thúy	Nữ	14-10-2004	22CTXH	3.06	131	Khá	
1107	Nguyễn Nhật Khánh	Trâm	Nữ	23-05-2004	22CTXH	3.43	131	Giỏi	
1108	Vĩnh Phúc Khánh	Trang	Nữ	21-08-2004	22CTXH	3.46	131	Giỏi	
1109	Đặng Nguyễn Thục	Trình	Nữ	04-11-2004	22CTXH	3.27	131	Giỏi	
1110	Nguyễn Ngọc Vân	Trình	Nữ	19-12-2004	22CTXH	2.99	133	Khá	
1111	Nguyễn Thị	Tuyền	Nữ	29-01-2004	22CTXH	3.28	131	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1112	Nguyễn Phạm Ngọc Vy	Nữ	05-02-2004	22CTXH	3.52	131	Giỏi	
1113	Nguyễn Gia Bảo	Nam	18-08-2004	22CTL	3.77	138	Xuất sắc	
1114	Trần Nguyễn Trúc Diệp	Nữ	03-01-2004	22CTL	3.46	131	Giỏi	
1115	Nguyễn Thị Kim Huệ	Nữ	13-04-2004	22CTL	3.89	135	Xuất sắc	
1116	Nguyễn Đức Nhân	Nam	04-11-2004	22CTL	3.77	136	Xuất sắc	
1117	Nguyễn Thị Phương Như	Nữ	27-04-2004	22CTL	3.74	135	Xuất sắc	
1118	Nguyễn Lê Thanh	Nam	27-08-2004	22CTL	3.82	131	Xuất sắc	
1119	Phạm Lê Trinh	Nữ	10-03-2004	22CTL	3.41	131	Giỏi	
1120	Lê Thị Thúy Anh	Nữ	08-04-2004	22STH1	3.58	132	Giỏi	
1121	Tô Phương Anh	Nữ	06-02-2004	22STH1	3.82	130	Xuất sắc	
1122	Nguyễn Ngọc Bình	Nữ	04-05-2004	22STH1	3.83	130	Xuất sắc	
1123	Kring Thị Ánh Đào	Nữ	08-03-2004	22STH1	3.77	130	Xuất sắc	
1124	Trần Thị Giang	Nữ	28-05-2004	22STH1	3.81	130	Xuất sắc	
1125	Nguyễn Thị Minh Hà	Nữ	18-11-2004	22STH1	3.73	132	Xuất sắc	
1126	Tổng Thị Thu Hà	Nữ	28-07-2004	22STH1	3.82	130	Xuất sắc	
1127	Y Hằng	Nữ	12-05-2004	22STH1	3.74	130	Xuất sắc	
1128	Hoàng Thị Hào	Nữ	29-08-2002	22STH1	3.87	132	Xuất sắc	
1129	Lê Thị Thúy Hiền	Nữ	24-11-2004	22STH1	3.77	132	Xuất sắc	
1130	Hoàng Thị Diệu Hương	Nữ	20-07-2002	22STH1	3.67	130	Xuất sắc	
1131	Đinh Thị Diệu Huyền	Nữ	28-03-2004	22STH1	3.69	130	Xuất sắc	
1132	Lương Thị Khánh Huyền	Nữ	13-01-2004	22STH1	3.61	131	Xuất sắc	
1133	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	25-10-2004	22STH1	3.86	133	Xuất sắc	
1134	Phan Thị Diệu Huyền	Nữ	03-02-2004	22STH1	3.50	130	Giỏi	
1135	Nguyễn Thị Lý	Nữ	28-02-2004	22STH1	3.80	130	Xuất sắc	
1136	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Nữ	31-10-2004	22STH1	3.94	130	Xuất sắc	
1137	Nguyễn Trần Phương Mai	Nữ	29-09-2004	22STH1	3.80	130	Xuất sắc	
1138	Nguyễn Thị Hoàn Mỹ	Nữ	15-06-2004	22STH1	3.56	132	Giỏi	
1139	Lê Thị Uyên Nhi	Nữ	01-08-2004	22STH1	3.66	131	Xuất sắc	
1140	Đỗ Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	13-08-2004	22STH1	3.72	130	Xuất sắc	
1141	Đỗ Hồng Ny Ny	Nữ	11-12-2004	22STH1	3.92	130	Xuất sắc	
1142	Đinh Y Phong	Nữ	24-05-2004	22STH1	3.56	132	Giỏi	
1143	Nguyễn Lê Hương Quỳnh	Nữ	30-05-2004	22STH1	3.78	130	Xuất sắc	
1144	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	Nữ	05-09-2004	22STH1	3.83	132	Xuất sắc	
1145	Lê Ngọc Sương	Nữ	16-06-2004	22STH1	3.55	130	Giỏi	
1146	Arát Thị Thạch	Nữ	03-02-2004	22STH1	3.70	130	Xuất sắc	
1147	Nguyễn Thị Hoài Thanh	Nữ	23-10-2004	22STH1	3.61	132	Xuất sắc	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1148	Nguyễn Thị Minh Thanh	Nữ	16-11-2004	22STH1	3.75	130	Xuất sắc	
1149	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	12-09-2004	22STH1	3.27	130	Giỏi	
1150	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	09-04-2004	22STH1	3.85	130	Xuất sắc	
1151	Võ Nguyên Anh Thư	Nữ	10-09-2004	22STH1	3.84	130	Xuất sắc	
1152	Hồ Thị Thường	Nữ	25-11-2004	22STH1	3.89	133	Xuất sắc	
1153	Lương Thị Mỹ Trang	Nữ	17-06-2004	22STH1	3.83	131	Xuất sắc	
1154	Nguyễn Thị Hà Trang	Nữ	19-10-2004	22STH1	3.69	132	Xuất sắc	
1155	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	14-11-2004	22STH1	3.77	130	Xuất sắc	
1156	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	06-12-2003	22STH1	3.63	132	Xuất sắc	
1157	Đỗ Thị Ánh Trinh	Nữ	01-08-2003	22STH1	3.97	131	Xuất sắc	
1158	Nguyễn Thị Trinh	Nữ	12-07-2004	22STH1	3.91	134	Xuất sắc	
1159	Trần Thị Thanh Tuyền	Nữ	15-08-2004	22STH1	3.75	130	Xuất sắc	
1160	Trần Thị Nhã Uyên	Nữ	19-02-2004	22STH1	3.67	130	Xuất sắc	
1161	Nguyễn Nữ Thảo Vy	Nữ	04-05-2004	22STH1	3.69	132	Xuất sắc	
1162	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	05-02-2004	22STH1	3.73	130	Xuất sắc	
1163	Y Yến	Nữ	14-08-2003	22STH1	3.55	132	Giỏi	
1164	Nguyễn Thị Hoài An	Nữ	23-07-2004	22STH2	3.72	130	Xuất sắc	
1165	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	04-07-2004	22STH2	3.79	130	Xuất sắc	
1166	Hồ Linh Chi	Nữ	25-04-2004	22STH2	3.57	130	Giỏi	
1167	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	27-09-2004	22STH2	3.39	130	Giỏi	
1168	Trần Hoàng Khánh Chi	Nữ	27-08-2004	22STH2	3.74	130	Xuất sắc	
1169	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	Nữ	02-06-2004	22STH2	3.78	131	Xuất sắc	
1170	Nguyễn Thị Trà Giang	Nữ	22-01-2004	22STH2	3.51	130	Giỏi	
1171	Trần Thị Kiều Giang	Nữ	01-03-2004	22STH2	3.62	130	Xuất sắc	
1172	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	01-01-2004	22STH2	3.87	131	Xuất sắc	
1173	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	01-03-2004	22STH2	3.51	130	Giỏi	
1174	Hồ Thị Hằng	Nữ	24-10-2004	22STH2	3.60	132	Xuất sắc	
1175	Hồ Thị Hằng	Nữ	13-02-2004	22STH2	3.65	130	Xuất sắc	
1176	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	21-03-2004	22STH2	3.81	132	Xuất sắc	
1177	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	21-09-2004	22STH2	3.69	132	Xuất sắc	
1178	Phùng Thị Thanh Hương	Nữ	17-04-2004	22STH2	3.66	130	Xuất sắc	
1179	Nguyễn Thị Thúy Kiều	Nữ	03-04-2004	22STH2	3.73	131	Xuất sắc	
1180	Võ Thị Hồng Linh	Nữ	31-05-2004	22STH2	3.60	130	Xuất sắc	
1181	Trần Thị Linh	Nữ	12-12-2004	22STH2	3.62	131	Xuất sắc	
1182	Phan Thị A Ly	Nữ	02-02-2004	22STH2	3.84	130	Xuất sắc	
1183	Trần Thị Trúc Ly	Nữ	24-05-2004	22STH2	3.58	130	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1184	Võ Thị Ly	Nữ	06-04-2004	22STH2	3.80	130	Xuất sắc	
1185	Đặng Phước Diệu My	Nữ	27-07-2004	22STH2	3.42	131	Giỏi	
1186	Tạ Thị Ngọc Nga	Nữ	12-06-2004	22STH2	3.52	131	Giỏi	
1187	Lê Thị Mai Ngân	Nữ	21-06-2004	22STH2	3.69	130	Xuất sắc	
1188	Nguyễn Minh Ngân	Nữ	25-12-2004	22STH2	3.61	130	Xuất sắc	
1189	Nguyễn Phan Hiếu Nguyên	Nữ	14-07-2004	22STH2	3.94	132	Xuất sắc	
1190	Trịnh Yến Nhi	Nữ	20-10-2004	22STH2	3.64	132	Xuất sắc	
1191	Y - Phi	Nữ	23-09-2004	22STH2	3.67	130	Xuất sắc	
1192	Châu Thị Lệ Quyên	Nữ	16-02-2004	22STH2	3.69	130	Xuất sắc	
1193	Đỗ Trần Khánh Quyên	Nữ	26-06-2004	22STH2	3.67	130	Xuất sắc	
1194	Ksor Sơ Sang	Nữ	15-02-2004	22STH2	3.85	130	Xuất sắc	
1195	Trần Ngọc Tân	Nam	30-01-2001	22STH2	3.74	130	Xuất sắc	
1196	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	14-07-2004	22STH2	3.60	132	Xuất sắc	
1197	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	30-04-2004	22STH2	3.93	130	Xuất sắc	
1198	Trịnh Thị Thu Thảo	Nữ	04-06-2004	22STH2	3.80	132	Xuất sắc	
1199	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	26-05-2004	22STH2	3.56	132	Giỏi	
1200	Nguyễn Thu Trang	Nữ	21-02-2004	22STH2	3.73	130	Xuất sắc	
1201	Võ Thị Trang	Nữ	04-08-2004	22STH2	3.66	130	Xuất sắc	
1202	Nguyễn Hoàng Trinh	Nữ	15-10-2004	22STH2	3.64	133	Xuất sắc	
1203	Ngô Thị Ánh Tuyết	Nữ	01-03-2004	22STH2	3.88	134	Xuất sắc	
1204	Hồ Thị Viêt Uyên	Nữ	28-10-2004	22STH2	3.93	132	Xuất sắc	
1205	Lê Thị Cẩm Vân	Nữ	27-11-2004	22STH2	3.88	133	Xuất sắc	
1206	Nguyễn Thị Tường Vi	Nữ	13-02-2004	22STH2	3.88	132	Xuất sắc	
1207	Trần Thị Như Ý	Nữ	14-01-2004	22STH2	3.71	130	Xuất sắc	
1208	Trần Thị Thu Yên	Nữ	25-01-2003	22STH2	3.91	132	Xuất sắc	
1209	Nguyễn Thị Thảo An	Nữ	16-07-2004	22STH3	3.39	132	Giỏi	
1210	Đào Thị Lan Anh	Nữ	24-08-2004	22STH3	3.62	130	Xuất sắc	
1211	Hồ Thị Trâm Anh	Nữ	22-04-2004	22STH3	3.40	130	Giỏi	
1212	Hoàng Thị Hoài Anh	Nữ	24-12-2003	22STH3	3.45	132	Giỏi	
1213	Nguyễn Thị Mai Anh	Nữ	18-10-2004	22STH3	3.80	130	Xuất sắc	
1214	Trần Trương Gia Bảo	Nữ	24-02-2004	22STH3	3.95	131	Xuất sắc	
1215	Rapát Thị Cúc	Nữ	21-01-2004	22STH3	3.91	130	Xuất sắc	
1216	Trần Thị Tường Duy	Nữ	02-10-2004	22STH3	3.78	130	Xuất sắc	
1217	Lê Thị Mỹ Duyên	Nữ	16-12-2004	22STH3	3.71	130	Xuất sắc	
1218	Mai Thị Duyên	Nữ	06-05-2004	22STH3	3.77	130	Xuất sắc	
1219	Hà Linh Giang	Nữ	30-01-2004	22STH3	3.79	130	Xuất sắc	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1220	Võ Thị Hương	Giang	Nữ	05-08-2004	22STH3	3.63	130	Xuất sắc	
1221	Hồ Thị Thúy	Hằng	Nữ	24-03-2004	22STH3	3.77	130	Xuất sắc	
1222	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	Nữ	21-07-2004	22STH3	3.59	130	Giỏi	
1223	Lê Trần Diệu	Hiền	Nữ	17-08-2004	22STH3	3.94	131	Xuất sắc	
1224	Đặng Lê Công	Hiếu	Nam	23-08-2004	22STH3	3.97	131	Xuất sắc	
1225	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	07-07-2004	22STH3	3.75	130	Xuất sắc	
1226	Đậu Thị	Hồng	Nữ	03-02-2002	22STH3	3.81	132	Xuất sắc	
1227	Phạm Thị Hồng	Hương	Nữ	21-01-2004	22STH3	3.66	131	Xuất sắc	
1228	Trịnh Thị Khánh	Huyền	Nữ	17-06-2004	22STH3	3.68	131	Xuất sắc	
1229	Phan Vũ Thiên	Kim	Nữ	24-11-2004	22STH3	3.89	130	Xuất sắc	
1230	Trần Thị Bé	Lâm	Nữ	30-08-2004	22STH3	3.65	132	Xuất sắc	
1231	Đỗ Thị Hoài	Linh	Nữ	08-08-2004	22STH3	3.67	130	Xuất sắc	
1232	Lê Thảo	Ly	Nữ	17-02-2004	22STH3	3.77	130	Xuất sắc	
1233	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	15-11-2004	22STH3	3.88	132	Xuất sắc	
1234	Poloong Thị	Mai	Nữ	01-01-2004	22STH3	3.64	132	Xuất sắc	
1235	Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	12-04-2004	22STH3	3.63	130	Xuất sắc	
1236	Huỳnh Nguyễn Diễm	My	Nữ	01-07-2004	22STH3	3.79	131	Xuất sắc	
1237	Đỗ Võ Kim	Ngọc	Nữ	31-01-2004	22STH3	3.90	130	Xuất sắc	
1238	Đào Thu	Ngọc	Nữ	15-10-2004	22STH3	3.50	130	Giỏi	
1239	Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	01-04-2004	22STH3	3.83	130	Xuất sắc	
1240	Nguyễn Lê Uyên	Nhi	Nữ	11-06-2004	22STH3	3.79	130	Xuất sắc	
1241	Phạm Thị Huyền	Nhi	Nữ	20-11-2004	22STH3	3.90	130	Xuất sắc	
1242	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	08-10-2004	22STH3	3.74	130	Xuất sắc	
1243	Hồ Thị	Oanh	Nữ	05-09-2004	22STH3	3.38	131	Giỏi	
1244	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	16-01-2004	22STH3	3.85	133	Xuất sắc	
1245	Trần Thu	Sương	Nữ	29-01-2004	22STH3	3.98	131	Xuất sắc	
1246	Trần Thị	Tài	Nữ	16-06-2003	22STH3	3.70	130	Xuất sắc	
1247	Đặng Nguyễn Bích	Thảo	Nữ	30-08-2004	22STH3	3.98	131	Xuất sắc	
1248	Nguyễn Thị Anh	Thơ	Nữ	06-01-2004	22STH3	3.31	132	Giỏi	
1249	Lê Thị Thu	Thúy	Nữ	10-06-2000	22STH3	3.94	130	Xuất sắc	
1250	Đinh Thị Thùy	Trang	Nữ	11-04-2004	22STH3	3.41	130	Giỏi	
1251	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	16-04-2004	22STH3	3.56	132	Giỏi	
1252	Nguyễn Cẩm	Tú	Nữ	02-09-2004	22STH3	3.32	131	Giỏi	
1253		U-An-Chi	Nữ	12-08-2004	22STH3	3.41	131	Giỏi	
1254	Hoàng Thị Tú	Uyên	Nữ	01-12-2004	22STH3	3.85	130	Xuất sắc	
1255	Nguyễn Hà	Vy	Nữ	16-12-2004	22STH3	3.57	130	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1256	Nguyễn Thị Minh Anh	Nữ	20-06-2004	22STH4	3.82	131	Xuất sắc	
1257	Phạm Nguyễn Khánh Chi	Nữ	08-08-2004	22STH4	3.81	130	Xuất sắc	
1258	Đoàn Ngân Thy Diễm	Nữ	06-10-2004	22STH4	3.91	132	Xuất sắc	
1259	Nguyễn Quỳnh Dương	Nữ	17-03-2004	22STH4	3.88	131	Xuất sắc	
1260	Nguyễn Thị Dương	Nữ	30-03-2004	22STH4	3.54	134	Giỏi	
1261	Thái Thị Mỹ Duyên	Nữ	06-05-2004	22STH4	3.75	130	Xuất sắc	
1262	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	04-02-2004	22STH4	3.69	132	Xuất sắc	
1263	Ngô Lê Mỹ Hạnh	Nữ	06-01-2004	22STH4	3.94	130	Xuất sắc	
1264	Đặng Thị Thanh Hiền	Nữ	28-08-2004	22STH4	3.75	132	Xuất sắc	
1265	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	12-12-2004	22STH4	3.75	130	Xuất sắc	
1266	Trần Thu Hiền	Nữ	12-04-2004	22STH4	3.80	130	Xuất sắc	
1267	Trần Ngọc Hồng	Nữ	16-08-2004	22STH4	3.67	130	Xuất sắc	
1268	Âu Thị Huệ	Nữ	20-01-2004	22STH4	3.60	132	Xuất sắc	
1269	Hà Thị Thu Hương	Nữ	06-01-2004	22STH4	3.88	130	Xuất sắc	
1270	Đào Thị Thu Huyền	Nữ	30-05-2003	22STH4	3.48	132	Giỏi	
1271	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Nữ	22-08-2004	22STH4	3.95	130	Xuất sắc	
1272	Dương Thị Thúy Kiều	Nữ	28-03-2003	22STH4	3.70	130	Xuất sắc	
1273	Nguyễn Thị Lam	Nữ	08-03-2004	22STH4	3.83	130	Xuất sắc	
1274	Dương Thị Hà Lan	Nữ	18-10-2004	22STH4	3.66	130	Xuất sắc	
1275	Bùi Hoàng Lê	Nữ	27-05-2004	22STH4	3.10	134	Khá	
1276	Coor Thị Thanh Lê	Nữ	25-04-2004	22STH4	3.66	130	Xuất sắc	
1277	Lê Mai Linh	Nữ	14-12-2004	22STH4	3.57	132	Giỏi	
1278	Lê Thị Khánh Linh	Nữ	23-05-2004	22STH4	3.76	130	Xuất sắc	
1279	Hiên Thị Ly	Nữ	27-01-2004	22STH4	3.72	132	Xuất sắc	
1280	Y Ngọc Mai	Nữ	31-05-2004	22STH4	3.36	132	Giỏi	
1281	Trần Thị Diễm My	Nữ	08-06-2004	22STH4	3.51	131	Giỏi	
1282	Phan Lê Na	Nữ	01-01-2004	22STH4	3.65	130	Xuất sắc	
1283	Nguyễn Thảo Nguyên	Nữ	14-12-2004	22STH4	3.89	130	Xuất sắc	
1284	Trần Hoàng Thảo Nguyên	Nữ	05-10-2004	22STH4	3.74	131	Xuất sắc	
1285	Văn Thị Thu Nguyên	Nữ	02-08-2004	22STH4	3.68	130	Xuất sắc	
1286	Pơ Loong Thị Thu Nguyệt	Nữ	15-04-2004	22STH4	3.32	132	Khá (Hạ bậc)	
1287	Nguyễn Y Thủy Nhi	Nữ	25-11-2004	22STH4	3.47	130	Giỏi	
1288	Polong Thị Nhurm	Nữ	23-06-2004	22STH4	3.43	130	Giỏi	
1289	Phan Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	22-10-2004	22STH4	3.69	130	Xuất sắc	
1290	Hoàng Thị Tuyết Ni	Nữ	02-01-2004	22STH4	3.71	130	Xuất sắc	
1291	Nguyễn Thị Phương	Nữ	19-12-2004	22STH4	3.73	130	Xuất sắc	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1292	Trần Thị Minh	Tâm	Nữ	16-02-2004	22STH4	3.95	130	Xuất sắc	
1293	Lê Thị Thanh	Thảo	Nữ	12-11-2004	22STH4	3.93	130	Xuất sắc	
1294	Lê Thị	Thảo	Nữ	15-02-2004	22STH4	3.80	130	Xuất sắc	
1295	B Nướch	Thiên	Nữ	04-02-2004	22STH4	3.22	130	Giỏi	
1296	Trần Thị Lệ	Thủy	Nữ	03-10-2004	22STH4	3.47	130	Giỏi	
1297	Đoàn Thùy	Trang	Nữ	19-12-2004	22STH4	3.63	130	Xuất sắc	
1298	Võ Thị Hiền	Trang	Nữ	10-02-2004	22STH4	3.75	130	Xuất sắc	
1299	Dương Thị Cẩm	Tú	Nữ	30-09-2004	22STH4	3.86	130	Xuất sắc	
1300	Hoàng Thị Kim	Tuyến	Nữ	15-11-2004	22STH4	3.62	134	Xuất sắc	
1301	Hồ Thị Thu	Uyên	Nữ	28-09-2004	22STH4	3.90	130	Xuất sắc	
1302	Trần Phương	Uyên	Nữ	23-02-2004	22STH4	3.57	130	Giỏi	
1303	Trịnh Thị Hoàng	Vy	Nữ	05-08-2004	22STH4	3.96	130	Xuất sắc	
1304	Nguyễn Hoàng Lan	Anh	Nữ	21-09-2004	22STH5	3.69	132	Xuất sắc	
1305	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	22-07-2004	22STH5	3.90	130	Xuất sắc	
1306	Vi Thị	Duy	Nữ	25-09-2004	22STH5	3.83	130	Xuất sắc	
1307	Trần Thị Mỹ	Duyên	Nữ	08-04-2004	22STH5	3.85	130	Xuất sắc	
1308	Nguyễn Thị Mai	Giang	Nữ	07-09-2004	22STH5	3.77	130	Xuất sắc	
1309	Hoàng Thị	Hà	Nữ	16-03-2004	22STH5	3.61	136	Xuất sắc	
1310	Hoàng Thị Mỹ	Hằng	Nữ	22-02-2004	22STH5	3.76	130	Xuất sắc	
1311	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	16-02-2004	22STH5	3.79	130	Xuất sắc	
1312	Đặng Thị Thu	Hoài	Nữ	01-01-2004	22STH5	3.96	131	Xuất sắc	
1313	Lê Thị Quỳnh	Huệ	Nữ	17-04-2004	22STH5	3.88	130	Xuất sắc	
1314	Trần Thị	Huyền	Nữ	24-10-2004	22STH5	3.78	130	Xuất sắc	
1315	Đặng Thị Khánh	Huyền	Nữ	28-10-2004	22STH5	3.71	130	Xuất sắc	
1316	Hồ Minh	Huyền	Nữ	04-12-2004	22STH5	3.79	131	Xuất sắc	
1317	Lê Thị Hồng Minh	Kiều	Nữ	12-08-2004	22STH5	3.78	130	Xuất sắc	
1318	Trần Thị Thúy	Kiều	Nữ	01-03-2004	22STH5	3.53	130	Giỏi	
1319	Nguyễn Thị Hương	Lê	Nữ	16-09-2004	22STH5	3.66	130	Xuất sắc	
1320	Phạm Thị	Lê	Nữ	28-05-2004	22STH5	3.82	130	Xuất sắc	
1321	Đinh Mai	Linh	Nữ	04-08-2004	22STH5	3.38	130	Giỏi	
1322	Lương Thị Thùy	Linh	Nữ	05-01-2004	22STH5	3.88	130	Xuất sắc	
1323	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	13-05-2004	22STH5	3.82	131	Xuất sắc	
1324	Phạm Thị Khánh	Linh	Nữ	05-07-2004	22STH5	3.79	130	Xuất sắc	
1325	Zơ Râm Thị Xuân	Mai	Nữ	12-10-2003	22STH5	3.92	130	Xuất sắc	
1326	Nguyễn Thị Hằng	Nga	Nữ	06-09-2003	22STH5	3.60	130	Xuất sắc	
1327	Trần Thị Thảo	Ngân	Nữ	09-09-2004	22STH5	3.50	130	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1328	Vũ Thị Hồng	Ngân	Nữ	27-06-2004	22STH5	3.82	131	Xuất sắc	
1329	Đặng Thị Ánh	Ngọc	Nữ	27-08-2004	22STH5	3.67	130	Xuất sắc	
1330	Hà Thảo	Nguyên	Nữ	21-01-2004	22STH5	3.56	130	Giỏi	
1331	Đào Yến	Nhi	Nữ	25-11-2004	22STH5	3.76	131	Xuất sắc	
1332	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	22-10-2004	22STH5	3.79	130	Xuất sắc	
1333	Nguyễn Thanh Uyên	Nhi	Nữ	03-09-2004	22STH5	3.82	131	Xuất sắc	
1334	Phạm Thị	Nhi	Nữ	06-09-2004	22STH5	3.82	132	Xuất sắc	
1335	Phạm Thị Tố	Nữ	Nữ	19-06-2004	22STH5	3.79	130	Xuất sắc	
1336	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	10-04-2004	22STH5	3.69	130	Xuất sắc	
1337	Trần Hà	Phương	Nữ	06-06-2004	22STH5	3.83	130	Xuất sắc	
1338	A Viết Thị	Sen	Nữ	30-08-2004	22STH5	3.52	130	Giỏi	
1339	Hoàng Thị	Thơm	Nữ	07-03-2004	22STH5	3.78	132	Xuất sắc	
1340	Đỗ Nguyễn Huyền	Thu	Nữ	08-01-2004	22STH5	3.69	132	Xuất sắc	
1341	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	21-11-2003	22STH5	3.77	130	Xuất sắc	
1342	Lê Thị Hồng	Thúy	Nữ	13-07-2004	22STH5	3.51	130	Giỏi	
1343	Đinh Thị	Thủy	Nữ	10-10-2004	22STH5	3.60	132	Xuất sắc	
1344	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	03-11-2004	22STH5	3.48	132	Giỏi	
1345	Y	Trình	Nữ	04-01-2004	22STH5	3.39	130	Giỏi	
1346	Hồ Thị	Tuyết	Nữ	03-02-2004	22STH5	3.74	130	Xuất sắc	
1347	Huỳnh Thị Nhã	Uyên	Nữ	05-04-2003	22STH5	3.72	132	Xuất sắc	
1348	Phạm Thị Thảo	Vân	Nữ	17-03-2004	22STH5	3.85	130	Xuất sắc	
1349	Trần Thị Như	Ý	Nữ	26-03-2004	22STH5	3.50	130	Giỏi	
1350	Phan Thị Phương	Anh	Nữ	06-10-2004	22STH6	3.75	134	Xuất sắc	
1351	Nguyễn Thị Thạch	Bích	Nữ	15-04-2004	22STH6	3.67	130	Xuất sắc	
1352	Nguyễn Thị	Châu	Nữ	16-11-2004	22STH6	3.53	130	Giỏi	
1353	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	Nữ	23-03-2004	22STH6	3.80	130	Xuất sắc	
1354	Dương Thị Ngọc	Diễm	Nữ	23-06-2004	22STH6	3.80	130	Xuất sắc	
1355	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	31-12-2004	22STH6	3.82	132	Xuất sắc	
1356	Nguyễn Lê Bảo	Duy	Nam	13-04-2004	22STH6	3.69	132	Xuất sắc	
1357	Rcôm H'	Giang	Nữ	23-10-2004	22STH6	3.44	130	Giỏi	
1358	Chu Việt	Hà	Nữ	13-01-2004	22STH6	3.61	131	Xuất sắc	
1359	Lê Ngân	Hà	Nữ	06-11-2004	22STH6	3.66	132	Xuất sắc	
1360	Blúp Thị Hồng	Hào	Nữ	20-10-2004	22STH6	3.52	130	Giỏi	
1361	Nguyễn Đình Duy	Hòa	Nam	20-08-2004	22STH6	3.62	130	Xuất sắc	
1362	Cao Thị	Hoàn	Nữ	04-08-2004	22STH6	3.88	130	Xuất sắc	
1363	Đặng Thị Mỹ	Huyền	Nữ	08-08-2003	22STH6	3.84	130	Xuất sắc	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1364	Hoàng Thị Thu Huyền	Nữ	19-12-2004	22STH6	3.40	130	Giỏi	
1365	Trần Thị Khánh Huyền	Nữ	12-01-2004	22STH6	3.44	130	Giỏi	
1366	Nguyễn Đoàn Hải Lê	Nữ	18-12-2004	22STH6	3.85	132	Xuất sắc	
1367	Đặng Phương Linh	Nữ	29-08-2004	22STH6	3.71	130	Xuất sắc	
1368	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	Nữ	27-05-2004	22STH6	3.33	130	Giỏi	
1369	Trần Phương Linh	Nữ	08-07-2004	22STH6	3.83	130	Xuất sắc	
1370	Phan Thị Lộc	Nữ	22-09-2004	22STH6	4.00	130	Xuất sắc	
1371	Hồ Thị Cẩm Ly	Nữ	07-04-2004	22STH6	3.89	130	Xuất sắc	
1372	Lê Ngọc Ánh Ly	Nữ	06-04-2004	22STH6	3.69	132	Xuất sắc	
1373	Ngô Thị Phương Ly	Nữ	01-01-2004	22STH6	3.79	131	Xuất sắc	
1374	Nguyễn Thị Mỹ Mi	Nữ	23-03-2004	22STH6	3.85	130	Xuất sắc	
1375	Phạm Linh Mỹ	Nữ	27-10-2004	22STH6	3.85	133	Xuất sắc	
1376	Đặng Tuyết Ngân	Nữ	08-09-2004	22STH6	3.43	130	Giỏi	
1377	Võ Đoàn Thị Thanh Ngọc	Nữ	07-09-2004	22STH6	3.74	130	Xuất sắc	
1378	Lê Thị Kim Nguyên	Nữ	02-03-2004	22STH6	3.63	131	Xuất sắc	
1379	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	18-10-2004	22STH6	3.62	131	Xuất sắc	
1380	Ngô Thị Nương	Nữ	08-02-2004	22STH6	3.79	130	Xuất sắc	
1381	Ngô Phạm Diệu Ny	Nữ	16-01-2004	22STH6	3.83	131	Xuất sắc	
1382	Nguyễn Thị Thanh Phương	Nữ	20-02-2004	22STH6	3.96	130	Xuất sắc	
1383	Rơ Mah Si	Nữ	15-05-2003	22STH6	3.58	130	Giỏi	
1384	Nguyễn Phương Thanh	Nữ	04-11-2004	22STH6	3.94	130	Xuất sắc	
1385	Vương Thị Phương Thanh	Nữ	27-02-2004	22STH6	3.73	130	Xuất sắc	
1386	Dương Hiền Thảo	Nữ	06-02-2004	22STH6	3.70	132	Xuất sắc	
1387	Huỳnh Thị Thu Thảo	Nữ	12-08-2004	22STH6	3.64	130	Xuất sắc	
1388	Phạm Minh Thọ	Nam	17-10-2004	22STH6	3.73	133	Xuất sắc	
1389	Nguyễn Thị Thu	Nữ	25-09-2004	22STH6	3.83	130	Xuất sắc	
1390	Hồ Thị Anh Thư	Nữ	11-10-2004	22STH6	3.81	130	Xuất sắc	
1391	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	10-01-2004	22STH6	3.71	130	Xuất sắc	
1392	Trần Thị Thương	Nữ	06-07-2004	22STH6	3.89	131	Xuất sắc	
1393	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	03-02-2004	22STH6	3.65	130	Xuất sắc	
1394	Vì Thị Thu Thúy	Nữ	27-12-2004	22STH6	3.51	132	Giỏi	
1395	Đặng Hoàng Quốc Trân	Nữ	30-10-2003	22STH6	3.28	130	Giỏi	
1396	Dương Thị Thùy Trang	Nữ	17-05-2004	22STH6	3.82	130	Xuất sắc	
1397	Hoàng Thị Huyền Trang	Nữ	24-05-2004	22STH6	3.57	130	Giỏi	
1398	Nguyễn Tường Uyên	Nữ	26-08-2004	22STH6	3.89	130	Xuất sắc	
1399	Nguyễn Thị Thảo Vi	Nữ	14-02-2004	22STH6	3.91	130	Xuất sắc	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1400	An Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	06-02-2004	22STC	3.58	130	Giỏi	
1401	Lê Trung	Anh	Nam	28-08-2004	22STC	3.18	132	Khá	
1402	Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	03-12-2004	22STC	3.44	132	Giỏi	
1403	Phạm Thị Quỳnh	Anh	Nữ	13-03-2004	22STC	3.62	130	Xuất sắc	
1404	Lê Thị Hồng	Ánh	Nữ	16-05-2004	22STC	3.47	134	Giỏi	
1405	Thái Bùi Ngọc	Châu	Nữ	22-06-2004	22STC	3.39	133	Giỏi	
1406	Võ Thị Kim	Đạt	Nữ	02-11-2004	22STC	3.84	131	Xuất sắc	
1407	Lê Thúy	Diễm	Nữ	14-05-2004	22STC	3.76	131	Xuất sắc	
1408	Nguyễn Thị Xuân	Diện	Nữ	06-01-2004	22STC	3.45	131	Giỏi	
1409	Lê Thị Kỳ	Duyên	Nữ	05-12-2004	22STC	3.46	131	Giỏi	
1410	Phạm Thị Mỹ	Duyên	Nữ	15-10-2004	22STC	3.34	132	Giỏi	
1411	Nguyễn Thị Lê	Giang	Nữ	16-02-2004	22STC	3.40	132	Giỏi	
1412	Đỗ Thị Xuân	Hạ	Nữ	28-07-2004	22STC	3.39	134	Giỏi	
1413	Ngô Thị Mỹ	Hằng	Nữ	22-04-2004	22STC	3.36	132	Khá (Hạ bậc)	
1414	Phan Nguyễn Huyền	Hạnh	Nữ	28-09-2004	22STC	3.51	132	Giỏi	
1415	Nguyễn Thị Kim	Hiền	Nữ	15-11-2004	22STC	3.61	131	Xuất sắc	
1416	Lê Thị Mỹ	Hồng	Nữ	02-09-2003	22STC	3.55	131	Giỏi	
1417	Đỗ Như	Huyền	Nữ	01-11-2004	22STC	3.63	130	Xuất sắc	
1418	Nguyễn Thị Mai	Huyền	Nữ	20-02-2002	22STC	3.66	131	Xuất sắc	
1419	Đào Thị Thùy	Linh	Nữ	20-09-2004	22STC	3.25	132	Khá (Hạ bậc)	
1420	Lê Hồng Thiên	Linh	Nữ	05-05-2004	22STC	3.43	130	Giỏi	
1421	Nguyễn Lê Kiều	Linh	Nữ	11-11-2004	22STC	3.50	133	Giỏi	
1422	Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	11-07-2004	22STC	3.51	132	Giỏi	
1423	Nguyễn Lê Linh	Mơ	Nữ	04-07-2004	22STC	3.73	131	Xuất sắc	
1424	Huỳnh Trân Diễm	My	Nữ	21-06-2004	22STC	3.48	132	Giỏi	
1425	Đặng Thị Thanh	Nga	Nữ	14-02-2002	22STC	3.86	131	Xuất sắc	
1426	Alăng	Ngọc	Nam	10-08-2004	22STC	3.30	131	Giỏi	
1427	Hồ Nguyễn Hoàng Linh	Ngọc	Nữ	27-02-2004	22STC	3.82	132	Xuất sắc	
1428	Lê Tiểu	Nguyễn	Nữ	07-04-2004	22STC	3.65	131	Xuất sắc	
1429	Nguyễn Nữ Ngọc	Nhi	Nữ	14-11-2004	22STC	3.60	132	Xuất sắc	
1430	Đặng Thị Phương	Ni	Nữ	08-07-2004	22STC	3.41	131	Giỏi	
1431	Hoàng Ngọc Nguyên	Phương	Nữ	13-06-2004	22STC	3.52	132	Giỏi	
1432	Nguyễn Hữu Ái	Quốc	Nam	19-04-2004	22STC	3.78	132	Xuất sắc	
1433	Nguyễn Khánh	Quỳnh	Nữ	10-10-2004	22STC	3.76	132	Xuất sắc	
1434	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	23-08-2004	22STC	3.48	131	Giỏi	
1435	Hà Thị Hoàng	Sa	Nữ	16-10-2004	22STC	3.45	131	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1436	Lê Thanh Thảo	Nữ	13-11-2004	22STC	3.59	132	Giỏi	
1437	Nguyễn Lục Thanh Thảo	Nữ	02-05-2004	22STC	3.45	132	Giỏi	
1438	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	07-08-2004	22STC	3.29	132	Giỏi	
1439	Trần Thị Thiên Thảo	Nữ	16-08-2004	22STC	3.43	132	Giỏi	
1440	Võ Thị Thu Thủy	Nữ	14-05-2004	22STC	3.57	130	Giỏi	
1441	Nguyễn Thị Kim Tiên	Nữ	25-04-2004	22STC	3.47	131	Giỏi	
1442	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	23-11-2004	22STC	3.39	131	Giỏi	
1443	Trương Thị Cẩm Tú	Nữ	10-05-2004	22STC	3.56	131	Giỏi	
1444	Phạm Lưu Mỹ Vân	Nữ	18-03-2004	22STC	3.61	131	Xuất sắc	
1445	Đặng Tường Vi	Nữ	14-06-2004	22STC	3.46	131	Giỏi	
1446	Võ Khánh Vy	Nữ	07-07-2004	22STC	3.62	131	Xuất sắc	
1447	Lê Thị Thanh Yên	Nữ	27-04-2004	22STC	3.50	132	Giỏi	
1448	Võ Thị Như Yên	Nữ	12-04-2002	22STC	3.76	134	Xuất sắc	
1449	Lê Đặng Hoài An	Nữ	13-07-2004	22SMN1	3.30	135	Giỏi	
1450	Phạm Thị Phi Anh	Nữ	12-01-2003	22SMN1	3.28	135	Giỏi	
1451	Nguyễn Thị Cẩm Bình	Nữ	22-02-2004	22SMN1	3.36	135	Giỏi	
1452	Hoàng Thị Chi	Nữ	08-02-2002	22SMN1	3.31	135	Giỏi	
1453	Phan Thị Bích Diệp	Nữ	23-12-2004	22SMN1	3.38	135	Giỏi	
1454	Lê Thị Mỹ Duyên	Nữ	04-10-2004	22SMN1	3.45	135	Giỏi	
1455	Nguyễn Thị Hà Giang	Nữ	03-07-2004	22SMN1	3.23	135	Giỏi	
1456	Văn Thanh Giang	Nữ	06-10-2004	22SMN1	3.23	135	Giỏi	
1457	Lê Thanh Hà	Nữ	08-01-2004	22SMN1	3.47	135	Giỏi	
1458	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	25-05-2004	22SMN1	3.21	133	Giỏi	
1459	Lê Thị Thúy Hằng	Nữ	26-09-2004	22SMN1	3.40	135	Giỏi	
1460	Trần Thị Thu Hằng	Nữ	24-11-2004	22SMN1	3.07	133	Khá	
1461	Phan Thị Hồng Hạnh	Nữ	06-02-2003	22SMN1	3.29	135	Giỏi	
1462	Phạm Thị Thanh Hậu	Nữ	02-09-2003	22SMN1	3.05	135	Khá	
1463	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	14-01-2004	22SMN1	3.38	133	Giỏi	
1464	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	27-01-2004	22SMN1	3.38	135	Giỏi	
1465	Hồ Thị Kim Khuy	Nữ	01-04-2004	22SMN1	3.14	135	Khá	
1466	Hoàng Thị Thanh Lan	Nữ	16-10-2004	22SMN1	2.91	135	Khá	
1467	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	15-10-2004	22SMN1	3.14	135	Khá	
1468	Huỳnh Thị Trúc Ly	Nữ	07-08-2004	22SMN1	3.37	135	Giỏi	
1469	Alăng Thị Mai	Nữ	14-03-2003	22SMN1	3.63	135	Xuất sắc	
1470	Phạm Thị Hồng Mơ	Nữ	05-09-2004	22SMN1	2.95	133	Khá	
1471	Nguyễn Thị Thu Na	Nữ	04-07-2004	22SMN1	3.22	133	Giỏi	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1472	Quách Thị Thành Ngân	Nữ	13-08-2004	22SMN1	3.29	135	Giỏi	
1473	Lê Thị Yến Nhi	Nữ	23-03-2004	22SMN1	3.46	135	Giỏi	
1474	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	17-07-2004	22SMN1	3.54	135	Giỏi	
1475	Huỳnh Thị Tuyết Nhị	Nữ	05-01-2004	22SMN1	3.11	135	Khá	
1476	Huỳnh Thị Nở	Nữ	28-03-2004	22SMN1	2.88	131	Khá	
1477	Phạm Thị Kim Phụng	Nữ	09-06-2004	22SMN1	3.06	135	Khá	
1478	Phùng Trần Thu Phương	Nữ	30-06-2004	22SMN1	3.12	133	Khá	
1479	Nay H' Ploanh	Nữ	14-09-2004	22SMN1	3.37	133	Giỏi	
1480	Alăng Thị Rura	Nữ	01-01-2004	22SMN1	3.43	135	Giỏi	
1481	Hồ Thị Thanh Thảo	Nữ	22-10-2004	22SMN1	3.49	135	Giỏi	
1482	Nguyễn Thị Thanh Thiện	Nữ	25-06-2004	22SMN1	3.05	131	Khá	
1483	Lê Thị Minh Thư	Nữ	14-01-2003	22SMN1	3.04	135	Khá	
1484	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Nữ	10-08-2004	22SMN1	3.38	135	Giỏi	
1485	Hoàng Thị Hoài Thương	Nữ	19-08-2004	22SMN1	3.50	135	Giỏi	
1486	Võ Thị Thương	Nữ	21-10-2004	22SMN1	3.07	135	Khá	
1487	Trần Thị Nguyên Thủy	Nữ	02-08-2004	22SMN1	3.14	135	Khá	
1488	Bùi Thị Thùy Trang	Nữ	06-06-2004	22SMN1	3.37	135	Giỏi	
1489	Phùng Thị Ngọc Trang	Nữ	18-04-2004	22SMN1	3.28	135	Giỏi	
1490	Quách Thùy Trang	Nữ	01-11-2004	22SMN1	2.99	135	Khá	
1491	Trần Thị Cẩm Tú	Nữ	10-08-2004	22SMN1	3.43	135	Giỏi	
1492	Lê Ánh Tuyết	Nữ	15-03-2004	22SMN1	3.23	133	Giỏi	
1493	Lê Thị Thảo Vân	Nữ	26-12-2004	22SMN1	2.96	135	Khá	
1494	Nguyễn Thị Lan Viên	Nữ	13-07-2004	22SMN1	3.49	135	Giỏi	
1495	Nguyễn Thị Thanh Vy	Nữ	04-11-2004	22SMN1	3.50	135	Giỏi	
1496	Lê Trâm Anh	Nữ	27-06-2004	22SMN2	3.52	135	Giỏi	
1497	Alăng Thị Âu	Nữ	01-05-2004	22SMN2	3.33	135	Giỏi	
1498	Arát Thị Co Ca	Nữ	19-04-2004	22SMN2	3.18	133	Khá	
1499	Phan Quỳnh Chi	Nữ	18-01-2004	22SMN2	3.04	135	Khá	
1500	Nguyễn Hoàng Dung	Nữ	01-01-2004	22SMN2	3.36	135	Giỏi	
1501	Nguyễn Thị Thuỷ Dương	Nữ	08-10-2003	22SMN2	3.73	133	Xuất sắc	
1502	Võ Thị Kiều Giang	Nữ	03-06-2004	22SMN2	3.15	133	Khá	
1503	Mai Thị Thu Hà	Nữ	25-09-2004	22SMN2	3.31	135	Giỏi	
1504	Trần Thị Mỹ Hà	Nữ	30-01-2004	22SMN2	3.35	133	Giỏi	
1505	Lương Thị Thanh Hằng	Nữ	11-09-2004	22SMN2	3.43	135	Giỏi	
1506	Aviét Thị Hát	Nữ	13-06-2004	22SMN2	3.44	133	Giỏi	
1507	Y Hậu	Nữ	06-09-2004	22SMN2	3.04	135	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1508	Dương Thị Thu	Hiếu	Nữ	26-06-2004	22SMN2	3.44	133	Giỏi	
1509	Ngô Thị	Hồng	Nữ	20-03-2004	22SMN2	3.12	133	Khá	
1510	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	20-11-2003	22SMN2	3.22	135	Giỏi	
1511	Hồ Thanh Thị	Khuyên	Nữ	21-10-2004	22SMN2	2.94	135	Khá	
1512	Khương Thị Phương	Lan	Nữ	08-03-2004	22SMN2	3.35	135	Giỏi	
1513	Trần Thị	Lên	Nữ	20-04-2004	22SMN2	3.27	133	Giỏi	
1514	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Nữ	30-12-2004	22SMN2	3.56	133	Giỏi	
1515	Lê Thị	Mai	Nữ	12-11-2000	22SMN2	3.84	135	Xuất sắc	
1516	Bùi Thị Ly	Na	Nữ	18-11-2004	22SMN2	3.39	135	Giỏi	
1517	Y Ly	Năng	Nữ	21-11-2003	22SMN2	2.70	132	Khá	
1518	Nguyễn Hoài	Ngọc	Nữ	30-07-2004	22SMN2	3.31	135	Giỏi	
1519	Nguyễn Trần Đan	Nguyệt	Nữ	26-09-2004	22SMN2	3.28	135	Giỏi	
1520	Võ Quý	Nhân	Nữ	04-05-2004	22SMN2	3.42	135	Giỏi	
1521	Lương Thị Yến	Nhi	Nữ	04-11-2004	22SMN2	3.37	135	Giỏi	
1522	Trương Thị Yến	Nhi	Nữ	17-07-2004	22SMN2	3.32	133	Giỏi	
1523	Lê Thị Thùy	Nhung	Nữ	08-05-2004	22SMN2	3.34	135	Giỏi	
1524	Arâi Thị	Nụ	Nữ	29-10-2004	22SMN2	3.14	135	Khá	
1525	Phan Thị Hồng	Phúc	Nữ	07-07-2004	22SMN2	3.58	135	Giỏi	
1526	Đoàn Võ Ngọc	Phương	Nữ	08-08-2004	22SMN2	3.30	135	Giỏi	
1527	Tân Lê Cát	Phượng	Nữ	28-01-2004	22SMN2	3.33	135	Giỏi	
1528	Lưu Thị Đỗ	Quyên	Nữ	15-11-2004	22SMN2	3.10	135	Khá	
1529	Huỳnh Thị Tuyết	Sương	Nữ	17-09-2004	22SMN2	3.52	133	Giỏi	
1530	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	16-01-2004	22SMN2	3.01	135	Khá	
1531	Hồ Bảo	Thu	Nữ	27-04-2004	22SMN2	3.54	135	Giỏi	
1532	Dương Thị Anh	Thư	Nữ	27-09-2004	22SMN2	3.03	133	Khá	
1533	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	24-10-2003	22SMN2	3.60	135	Xuất sắc	
1534	Nguyễn Thị Ngọc	Thuận	Nữ	09-10-2004	22SMN2	3.27	135	Giỏi	
1535	Trần Thị Hoài	Thương	Nữ	11-03-2004	22SMN2	3.53	135	Giỏi	
1536	Trương Ngọc Uyên	Thy	Nữ	16-11-2004	22SMN2	3.15	133	Khá	
1537	Lê Thị Hồng	Trâm	Nữ	14-04-2004	22SMN2	3.35	133	Giỏi	
1538	Trương Thị Ngọc	Trâm	Nữ	28-03-2004	22SMN2	3.17	135	Khá	
1539	Nguyễn Minh	Trang	Nữ	04-06-2004	22SMN2	3.40	135	Giỏi	
1540	Tăng Thanh	Tuyền	Nữ	26-12-2004	22SMN2	3.52	133	Giỏi	
1541	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	Nữ	23-01-2004	22SMN2	3.07	135	Khá	
1542	Phạm Quỳnh	Vi	Nữ	25-03-2004	22SMN2	3.16	135	Khá	
1543	Nay H'	Vuyết	Nữ	26-08-2004	22SMN2	3.03	135	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1544	Thùy Thị Tường Vy	Nữ	26-08-2004	22SMN2	3.28	133	Giỏi	
1545	Nguyễn Thị Tú Anh	Nữ	24-06-2004	22SMN3	3.26	133	Giỏi	
1546	Lê Thị Bình	Nữ	28-11-2004	22SMN3	3.09	133	Khá	
1547	ALăng Thị Kim Chi	Nữ	01-11-2004	22SMN3	3.41	133	Giỏi	
1548	Nguyễn Thị Hỷ Chí	Nữ	23-09-2004	22SMN3	3.51	133	Giỏi	
1549	Phùng Thị Ngọc Dung	Nữ	14-04-2004	22SMN3	3.38	135	Giỏi	
1550	Lê Thị Trà Giang	Nữ	22-01-2003	22SMN3	3.02	133	Khá	
1551	Trần Thị Lâm Giang	Nữ	09-10-2004	22SMN3	3.15	133	Khá	
1552	Lê Thị Diễm Hà	Nữ	23-05-2004	22SMN3	3.30	133	Giỏi	
1553	Nguyễn Thị Ngân Hà	Nữ	19-04-2004	22SMN3	3.25	135	Giỏi	
1554	Cao Thị Phụng Hằng	Nữ	26-09-2004	22SMN3	3.02	133	Khá	
1555	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	11-12-2004	22SMN3	3.32	133	Giỏi	
1556	Bùi Thị Mỹ Hạnh	Nữ	25-03-2004	22SMN3	3.07	135	Khá	
1557	Dương Thị Thúy Hiền	Nữ	24-07-2004	22SMN3	3.65	133	Xuất sắc	
1558	Phùng Thị Thanh Hoan	Nữ	13-07-2004	22SMN3	3.34	133	Giỏi	
1559	Thái Thị Hương	Nữ	29-01-2004	22SMN3	3.69	133	Xuất sắc	
1560	Võ Thị Lành	Nữ	30-10-2004	22SMN3	3.54	133	Giỏi	
1561	Ksor H' Linh	Nữ	03-09-2004	22SMN3	3.39	133	Giỏi	
1562	Lê Thị Kim Loan	Nữ	17-10-2004	22SMN3	3.46	133	Giỏi	
1563	Huỳnh Thị Thảo Ly	Nữ	20-06-2004	22SMN3	3.40	133	Giỏi	
1564	Phạm Thị Mỹ Ly	Nữ	24-08-2004	22SMN3	3.62	135	Xuất sắc	
1565	Nguyễn Thị Ly Na	Nữ	25-07-2004	22SMN3	3.28	133	Khá (Hạ bậc)	
1566	Nguyễn Thị Ngọc Nga	Nữ	04-11-2004	22SMN3	3.22	133	Giỏi	
1567	Bríu Thị Tuyết Nhi	Nữ	11-12-2004	22SMN3	3.36	133	Giỏi	
1568	Phan Thị Hoài Nhi	Nữ	28-01-2004	22SMN3	3.26	135	Giỏi	
1569	Bùi Thị Nhị	Nữ	10-12-2004	22SMN3	3.13	135	Khá	
1570	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	13-03-2004	22SMN3	3.34	135	Giỏi	
1571	Nguyễn Thị Nữ	Nữ	21-09-2004	22SMN3	3.68	133	Xuất sắc	
1572	Võ Thị Thanh Phúc	Nữ	14-07-2003	22SMN3	3.67	133	Xuất sắc	
1573	Lê Thị Thanh Phương	Nữ	27-02-2004	22SMN3	3.38	131	Giỏi	
1574	Trần Thị Bích Phương	Nữ	28-06-2004	22SMN3	3.17	133	Khá	
1575	Trần Thị Trúc Quỳnh	Nữ	06-05-2004	22SMN3	3.02	133	Khá	
1576	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	02-12-2004	22SMN3	3.28	135	Giỏi	
1577	Nguyễn Thị Thanh Thu	Nữ	25-01-2004	22SMN3	3.26	133	Giỏi	
1578	Trần Thị Huyền Thương	Nữ	01-02-2004	22SMN3	3.38	133	Giỏi	
1579	Hà Thị Diệu Thương	Nữ	13-03-2003	22SMN3	2.83	135	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1580	Ngô Thị Thanh	Trà	Nữ	27-02-2004	22SMN3	3.06	133	Khá	
1581	Nguyễn Trần Ngọc	Trâm	Nữ	11-11-2004	22SMN3	3.13	135	Khá	
1582	Nguyễn Thị Hoài	Trang	Nữ	30-10-2003	22SMN3	3.35	133	Giỏi	
1583	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	09-04-2004	22SMN3	3.20	135	Giỏi	
1584	Huỳnh Thị Mỹ	Trinh	Nữ	06-07-2004	22SMN3	2.86	133	Khá	
1585	Trần Lê Thanh	Trúc	Nữ	07-10-2004	22SMN3	3.15	133	Khá	
1586	Hồ Thị Thanh	Tú	Nữ	08-05-2004	22SMN3	3.78	135	Xuất sắc	
1587	Âu Thị Ánh	Tuyết	Nữ	26-10-2004	22SMN3	3.27	133	Giỏi	
1588	Phan Thị Mỹ	Uyên	Nữ	09-04-2004	22SMN3	3.55	133	Giỏi	
1589	Trương Hoài	Vi	Nữ	17-11-2004	22SMN3	3.15	133	Khá	
1590	Ngô Thị Ái	Vy	Nữ	11-07-2004	22SMN3	3.10	133	Khá	
1591	Cao Thị Hiền	Vy	Nữ	07-01-2004	22SMN3	3.06	135	Khá	
1592	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	01-08-2004	22SMN3	3.14	133	Khá	
1593	Mai Huỳnh Gia	Ân	Nữ	09-06-2004	22SAN	3.73	133	Xuất sắc	
1594	Ngô Võ Hải	Anh	Nữ	30-11-2004	22SAN	3.79	137	Xuất sắc	
1595	Phạm Thị Minh	Anh	Nữ	11-01-2004	22SAN	3.74	139	Xuất sắc	
1596	Lý Trần Thái	Bình	Nam	26-09-2004	22SAN	3.31	139	Giỏi	
1597	Trần Lê Bảo	Châu	Nữ	09-04-2004	22SAN	3.27	137	Giỏi	
1598	Nguyễn Văn	Dur	Nam	26-03-2004	22SAN	3.46	137	Giỏi	
1599	Lê Hoàng	Đức	Nam	11-04-2004	22SAN	3.43	135	Giỏi	
1600	Hồ Sỹ Tuấn	Dũng	Nam	06-04-2003	22SAN	3.50	135	Giỏi	
1601	Nguyễn Đình	Dũng	Nam	08-06-2003	22SAN	3.56	139	Giỏi	
1602	Mai Nguyễn Thiên	Hằng	Nữ	08-10-2004	22SAN	3.53	131	Giỏi	
1603	Đỗ Cát	Hồng	Nữ	23-06-2004	22SAN	3.10	137	Khá	
1604	Nguyễn Trần Nhã	Khanh	Nữ	01-09-2004	22SAN	3.22	133	Khá (Hạ bậc)	
1605	Lê Hùng	Khuong	Nam	05-07-2004	22SAN	3.24	133	Giỏi	
1606	Trần Thị Thùy	Liên	Nữ	29-01-2004	22SAN	3.29	139	Khá (Hạ bậc)	
1607	Nguyễn Hải	Nam	Nam	12-04-2004	22SAN	3.26	139	Giỏi	
1608	Đỗ Hoàng Linh	Như	Nữ	09-11-2003	22SAN	3.28	139	Giỏi	
1609	Lê Thị Quỳnh	Như	Nữ	04-07-2004	22SAN	3.22	133	Giỏi	
1610	Nguyễn Thị Lê	Nhung	Nữ	13-10-2004	22SAN	3.31	137	Giỏi	
1611	Nguyễn Hoàng	Oanh	Nữ	15-04-2004	22SAN	3.50	133	Giỏi	
1612	Lê Nguyễn Hồng	Phúc	Nữ	20-09-2004	22SAN	3.28	143	Khá (Hạ bậc)	
1613	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	Nữ	07-05-2004	22SAN	3.67	135	Xuất sắc	
1614	Trần Thị Diễm	Phúc	Nữ	26-05-2004	22SAN	3.38	135	Giỏi	
1615	Trần Thị Bích	Phượng	Nữ	16-06-2004	22SAN	3.17	133	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBC tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
1616	Bùi Xuân Tài	Nam	27-07-2003	22SAN	3.57	135	Giỏi	
1617	Ngô Thị Bích Thu	Nữ	07-01-2004	22SAN	3.53	135	Giỏi	
1618	Lê Trần Minh Thư	Nữ	30-05-2004	22SAN	3.31	133	Giỏi	
1619	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	02-05-2002	22SAN	3.22	137	Giỏi	
1620	Nguyễn Tổng Anh Thư	Nữ	13-09-2004	22SAN	3.41	131	Giỏi	
1621	Trần Văn Toản	Nam	10-10-2002	22SAN	3.51	137	Giỏi	
1622	Nguyễn Phạm Quỳnh Trang	Nữ	02-09-2004	22SAN	3.48	133	Giỏi	
1623	Tạ Thị Thùy Trang	Nữ	20-11-2004	22SAN	3.15	133	Khá	
1624	Bhling Thị Trinh	Nữ	30-07-2004	22SAN	3.56	137	Giỏi	
1625	Phan Lê Tường Vi	Nữ	14-01-2004	22SAN	3.52	133	Giỏi	
1626	Phan Thị Yến Vi	Nữ	11-11-2003	22SAN	3.53	131	Giỏi	
1627	Nguyễn Thị Kiều Vy	Nữ	27-08-2004	22SAN	3.44	133	Giỏi	
1628	Nguyễn Thị Tường Vy	Nữ	14-07-2004	22SAN	3.41	133	Giỏi	
1629	Trần Bảo Gia Vy	Nữ	14-05-2004	22SAN	3.21	135	Khá (Hạ bậc)	
1630	Đặng Ngọc An	Nam	13-03-2004	22SGT	3.36	132	Giỏi	
1631	Trần Thị Mai Anh	Nữ	21-10-2003	22SGT	3.77	135	Xuất sắc	
1632	Nguyễn Tấn Dũng	Nam	19-05-2004	22SGT	3.34	132	Giỏi	
1633	Lê Văn Duy	Nam	04-06-2004	22SGT	3.04	135	Khá	
1634	Đàm Thị Mỹ Duyên	Nữ	27-09-2003	22SGT	3.53	132	Giỏi	
1635	Nguyễn Thị Giang	Nữ	13-04-2003	22SGT	3.60	135	Xuất sắc	
1636	Nguyễn Cảnh Đức Huy	Nam	06-02-2004	22SGT	3.34	135	Giỏi	
1637	Phạm Thanh Huyền	Nữ	26-05-2004	22SGT	3.74	135	Xuất sắc	
1638	Phan Thanh Thành Nhân	Nam	26-04-2004	22SGT	3.41	135	Giỏi	
1639	Phạm Đỗ Ngọc Thành	Nam	07-06-2001	22SGT	3.49	135	Giỏi	